



BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC TUẦN

GIỮ NHỊP TRONG SÓNG LỚN

Ngày: 18/08/2025 – 22/08/2025



NỘI DUNG BÁO CÁO

1. TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ
2. ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
3. CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT
4. LỊCH SỰ KIỆN

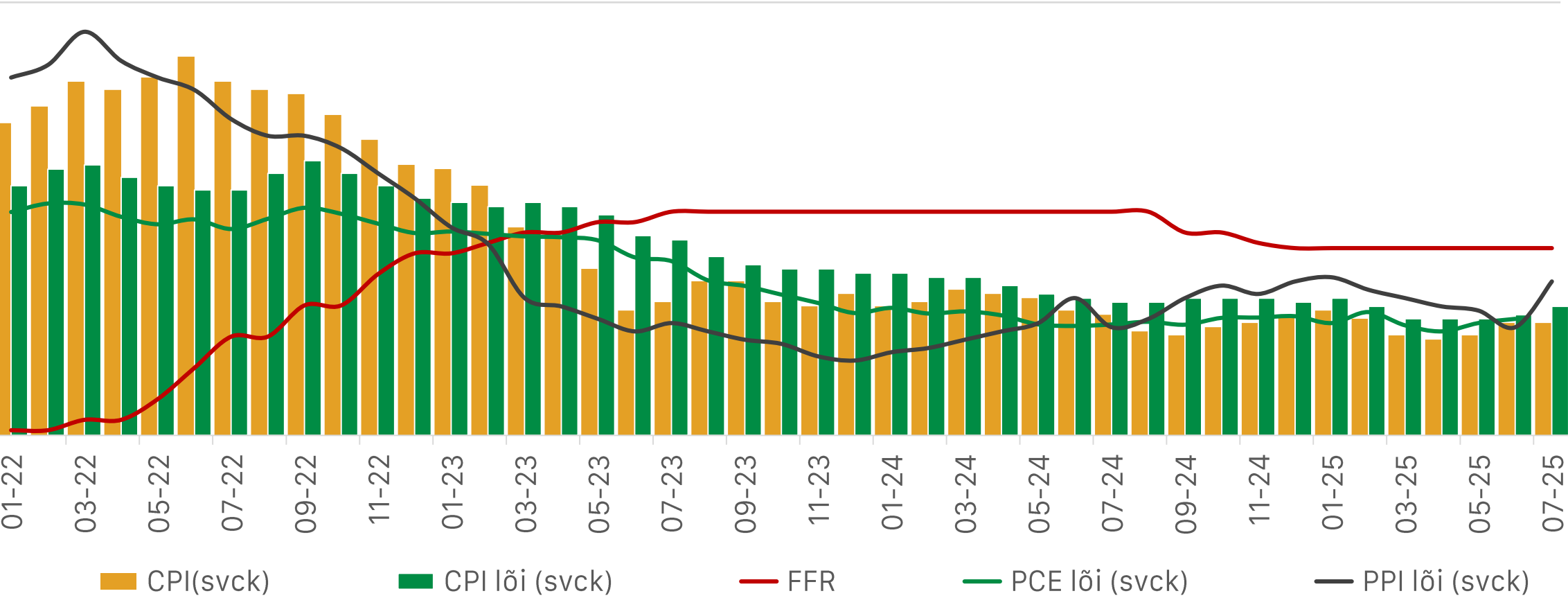


TỔNG QUAN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



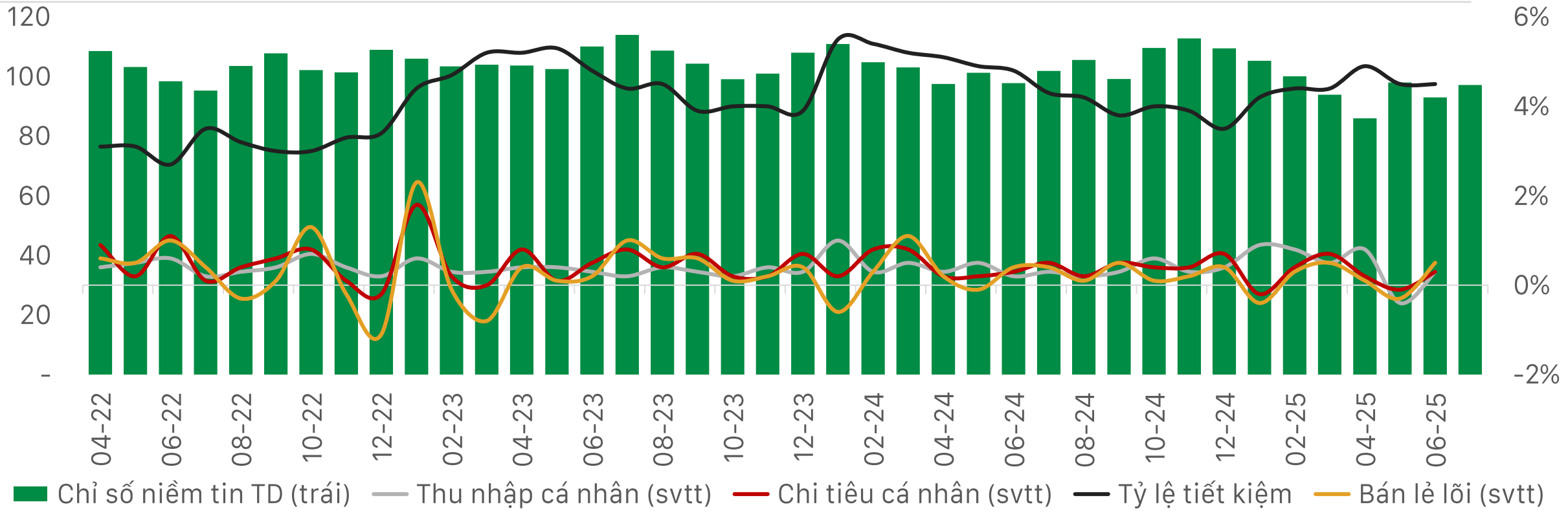
Con số GDP Q2 tạo cảm giác mạnh, nhưng dữ liệu việc làm suy yếu và CPI vừa vận đã nghiêng về kịch bản Fed sẽ bắt đầu hạ lãi suất trong kỳ họp tới (kỳ vọng thị trường/khảo sát nghiêng về khả năng cắt ~tháng 9). Nếu thị trường lao động tiếp tục suy yếu và lạm phát lõi duy trì xu hướng hạ, Fed có thể thực hiện một hoặc vài đợt cắt 0,25 điểm trong nửa cuối năm — điều này sẽ hỗ trợ tài sản rủi ro nhưng cũng làm tăng nhạy cảm với rủi ro giá đầu vào (PPI) và áp lực từ chính sách thương mại. Do vậy, kịch bản cơ sở: tăng trưởng chậm nhưng ổn định, Fed bắt đầu nới lỏng có điều kiện; kịch bản thay đổi (rủi ro) là lạm phát đầu vào mạnh trở lại, buộc Fed phải trì hoãn cắt lãi. Do vậy, nên theo sát ba biến số then chốt: báo cáo việc làm, số liệu lạm phát lõi (PCE/CPI) và diễn biến PPI/giá hàng hóa.

Lạm phát ổn định ở mức tương đối thấp, nhưng có nguy cơ tăng từ phía giá sản xuất

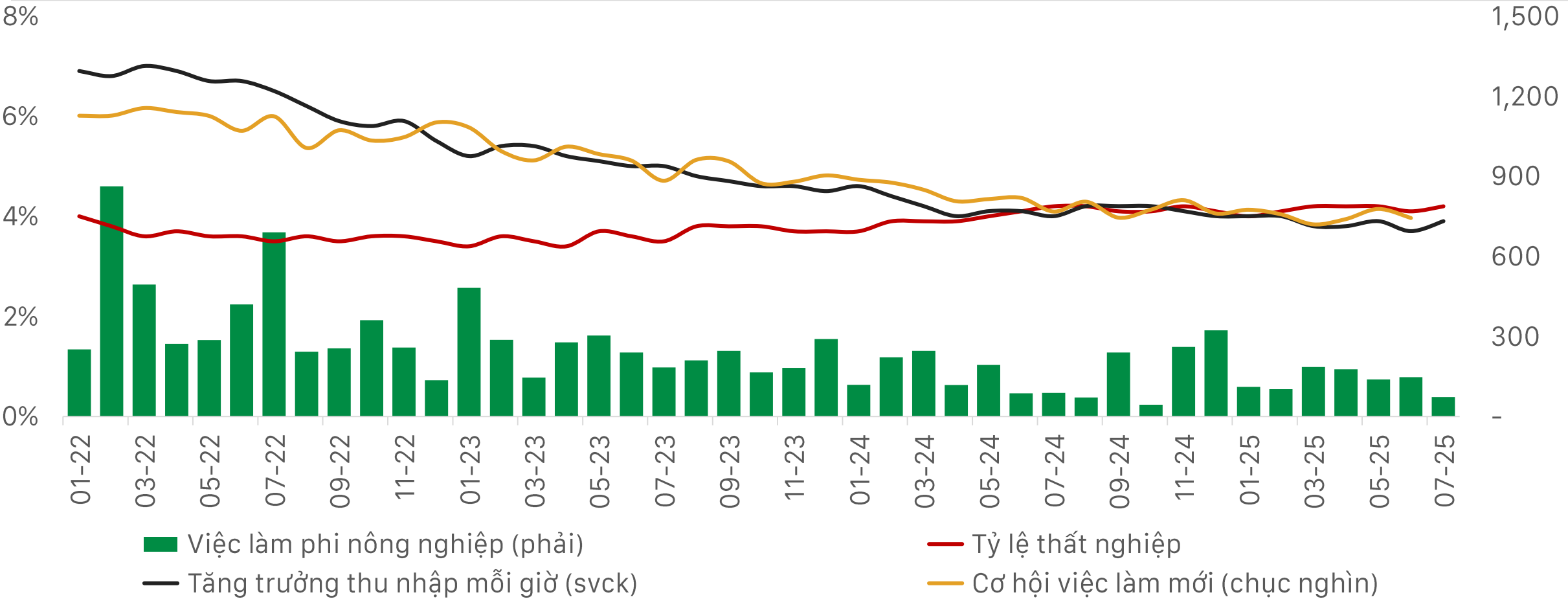


- GDP hồi phục nhưng nền tảng yếu:** Q2/2025 tăng trưởng bất ngờ mạnh (advance +3.0%), nhưng phần lớn do yếu tố ngoại thương (giảm nhập khẩu) và tồn kho — dấu hiệu nội tại của nền kinh tế vẫn mỏng.
- Thị trường lao động suy yếu rõ nét:** Tạo việc làm chậm lại (nonfarm +73k tháng 7) và các điều chỉnh giảm trước đó cho thấy lực cầu lao động đã yếu đi so với đầu năm.
- Lạm phát ổn định ở mức tương đối thấp, nhưng có nguy cơ tăng từ phía giá sản xuất:** CPI tháng 7 dịu lại (+0.2% m/m; ~2.7% y/y), làm gia tăng kỳ vọng cắt lãi; tuy nhiên PPI/giá đầu vào có dấu hiệu tăng gần đây, tiềm ẩn rủi ro tái gia tốc giá.

Chi tiêu và niềm tin tiêu dùng tăng nhẹ trở lại



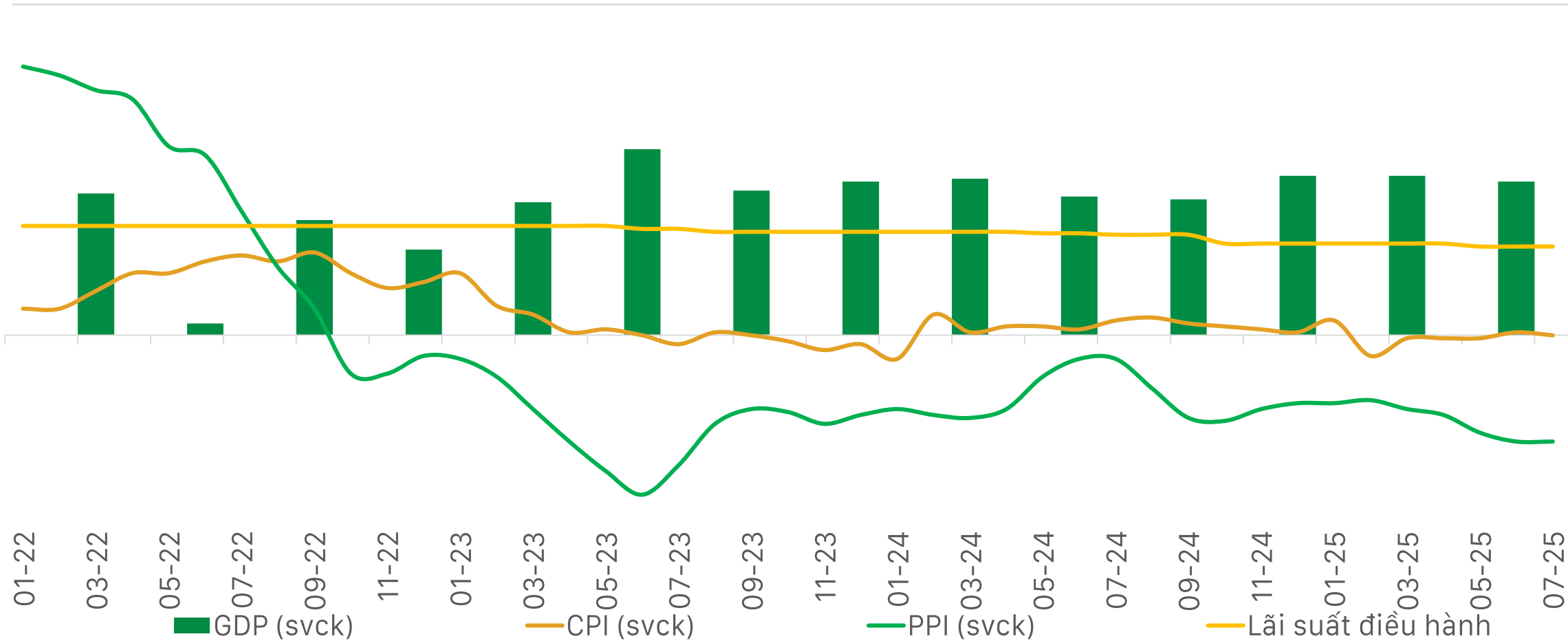
Thị trường lao động suy yếu rõ nét



TRUNG QUỐC: TĂNG TRƯỞNG CÒN ĐÓ NHƯNG DỄ TỤT - GIẢM PHÁT SẢN XUẤT VÀ TIÊU DÙNG YẾU LÀ RỦI RO LỚN

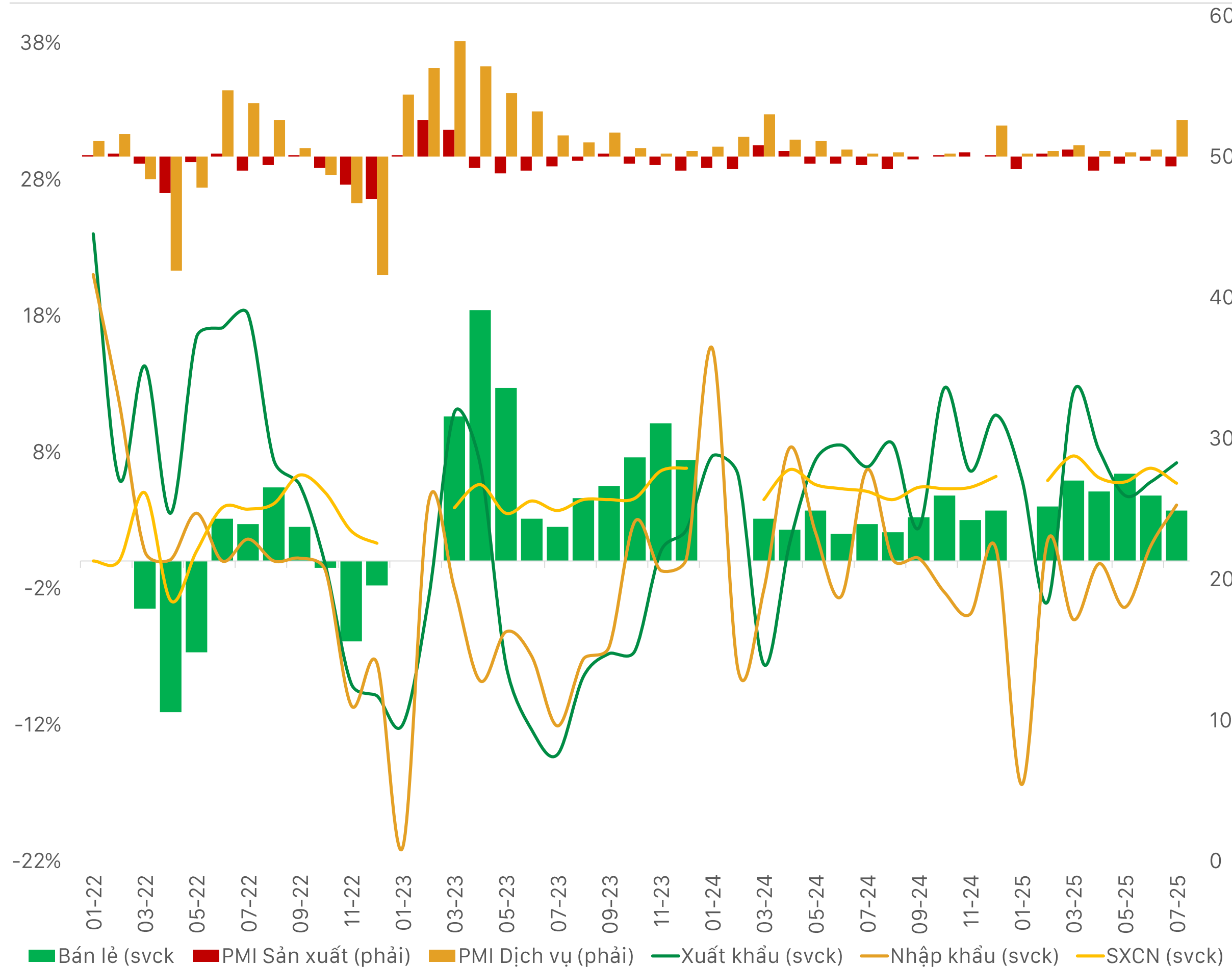
Kinh tế Trung Quốc mang tính “hai tốc độ”: phần công nghiệp — được hỗ trợ bởi xuất khẩu trước tác động thuế quan — vẫn giữ mức tăng, trong khi nội lực tiêu dùng chưa hồi phục đủ để chuyển sang một phục hồi bền vững. Với PPI còn âm và rủi ro kéo dài từ bất động sản, kịch bản hợp lý là tăng trưởng 2025 đạt mức trung bình (khoảng 4.5—4.8% theo các tổ chức) nhưng dễ suy yếu về cuối năm nếu không có biện pháp kích thích mạnh và có trọng tâm nhằm kích hoạt tiêu dùng hộ gia đình và cải tổ phân bổ tín dụng địa phương. Các rủi ro chính cần theo dõi: diễn biến PPI, tốc độ hồi phục tiêu dùng, tiến độ giải ngân kích thích thực chất và tình trạng nợ địa phương.

Tăng trưởng dựa vào công nghiệp và xuất khẩu, không đồng đều



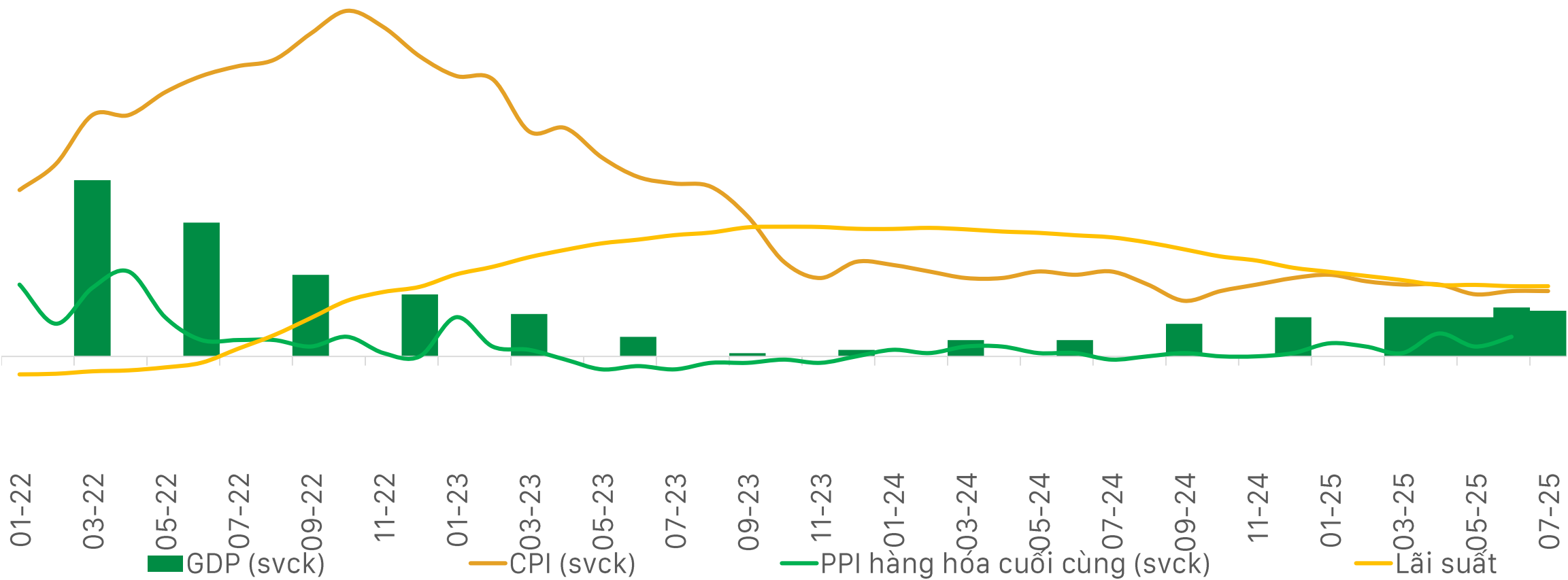
- **Tăng trưởng dựa vào công nghiệp và xuất khẩu, không đồng đều.** GDP quý II vẫn duy trì tốc độ tích cực nhưng tăng trưởng chủ yếu đến từ công nghiệp và xuất khẩu, còn động lực nội địa chưa mạnh.
- **Giảm phát ở khâu sản xuất và tiêu dùng trong nước yếu.** PPI tiếp tục giảm sâu, trong khi doanh số bán lẻ và chi tiêu hộ gia đình chỉ tăng chậm, cho thấy áp lực giảm phát và cầu nội địa yếu vẫn hiện hữu.
- **Chính sách hỗ trợ có chọn lọc — dịch vụ hồi phục, nhưng rủi ro bất động sản và nợ địa phương còn đó.** Mức độ hỗ trợ tài khóa/tiền tệ tăng cường ở một số mảng giúp đẩy dịch vụ và ngành công nghệ cao, nhưng hiệu quả lan tỏa sang tiêu dùng và giải quyết công suất dư thừa vẫn hạn chế; đồng thời rủi ro từ thị trường bất động sản và nợ chính quyền địa phương tiếp tục là yếu tố kéo dài bất ổn.

Giảm phát ở khâu sản xuất và tiêu dùng trong nước yếu.



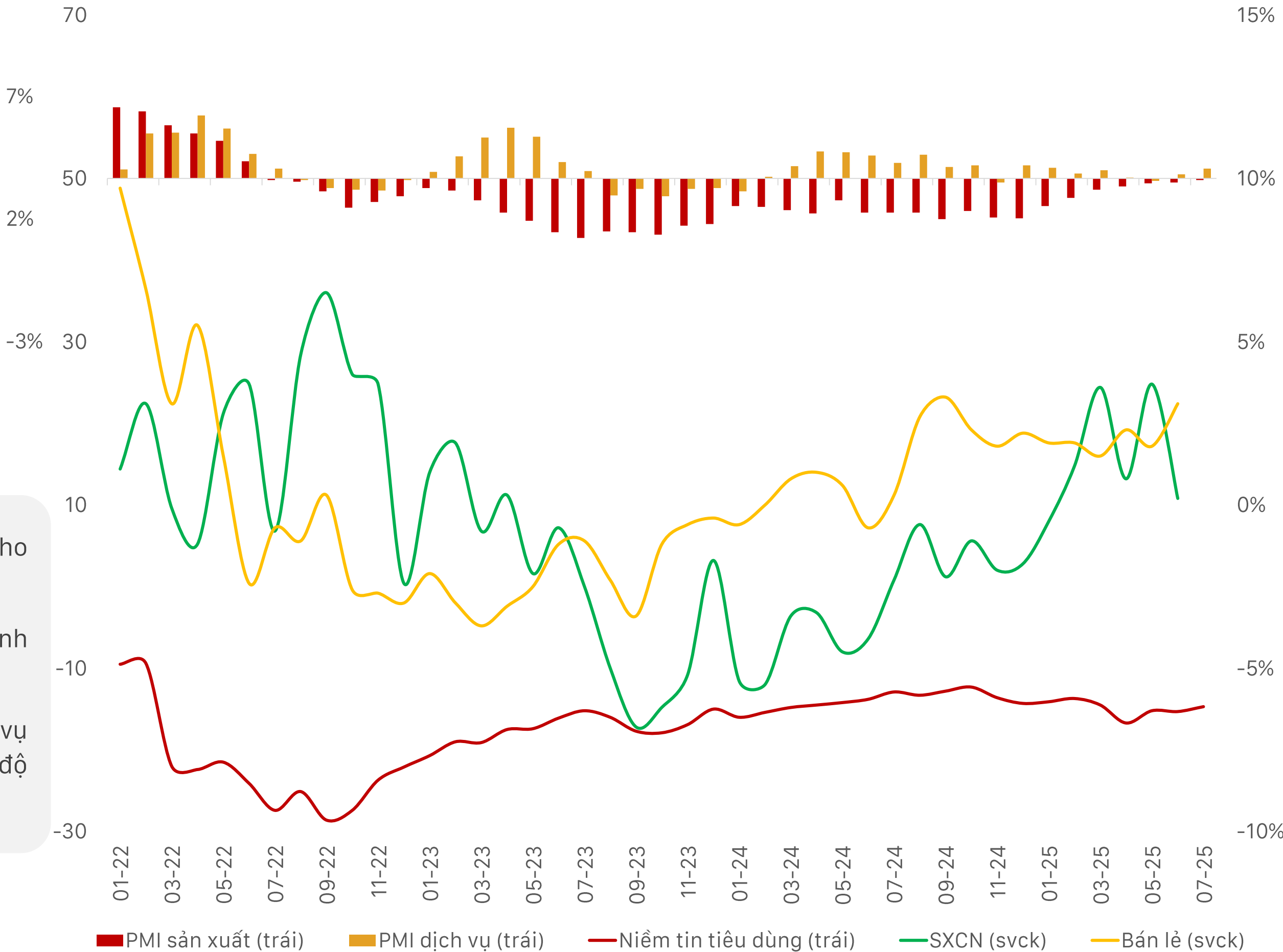
Châu Âu đang vận hành ở trạng thái “ổn định mong manh”: lạm phát đã về gần mục tiêu khiến ECB không chịu áp lực phải hành động khẩn cấp, nhưng tăng trưởng nội địa còn mỏng và phân hóa giữa các nền kinh tế làm giảm hiệu quả truyền dẫn chính sách. Vì vậy ECB nhiều khả năng giữ quan điểm thận trọng — trì hoãn cắt sâu và chỉ hạ lãi một cách rất có chọn lọc nếu dữ liệu tăng trưởng và việc làm suy yếu rõ rệt; ngược lại, bất kỳ cú sốc bên ngoài (tăng thuế quan, giá năng lượng, hay suy giảm xuất khẩu mạnh) có thể nhanh chóng kéo khu vực trở lại giai đoạn trì trệ. Trong ngắn hạn, trọng tâm chính sách nên là phối hợp tài khóa nhằm vào kích cầu có mục tiêu và đầu tư cơ sở hạ tầng để bù đắp cho điểm yếu ở ngành sản xuất.

Tăng trưởng yếu nhưng bền sức - Lạm phát ổn định quanh mục tiêu



- **Tăng trưởng yếu và phân hóa khu vực.** GDP khu vực đồng euro chỉ tăng nhẹ (quý II $\approx +0.1\%$), cho thấy phục hồi rất hạn chế và khác biệt giữa các nước thành viên.
- **Lạm phát ở quanh mục tiêu, tạo không gian cho chính sách ôn hòa.** Headline inflation ổn định quanh 2% (tháng 7), làm giảm áp lực phải nới lỏng mạnh từ phía ECB trong ngắn hạn.
- **Hoạt động kinh doanh phân hóa — dịch vụ giữ nhịp, sản xuất chỉ tiệm cận ổn định.** PMI dịch vụ tiếp tục trên ngưỡng mở rộng (~ 51.2) trong khi PMI sản xuất vẫn hơi dưới 50 (~ 49.8), phản ánh độ bền yếu của khu vực sản xuất.

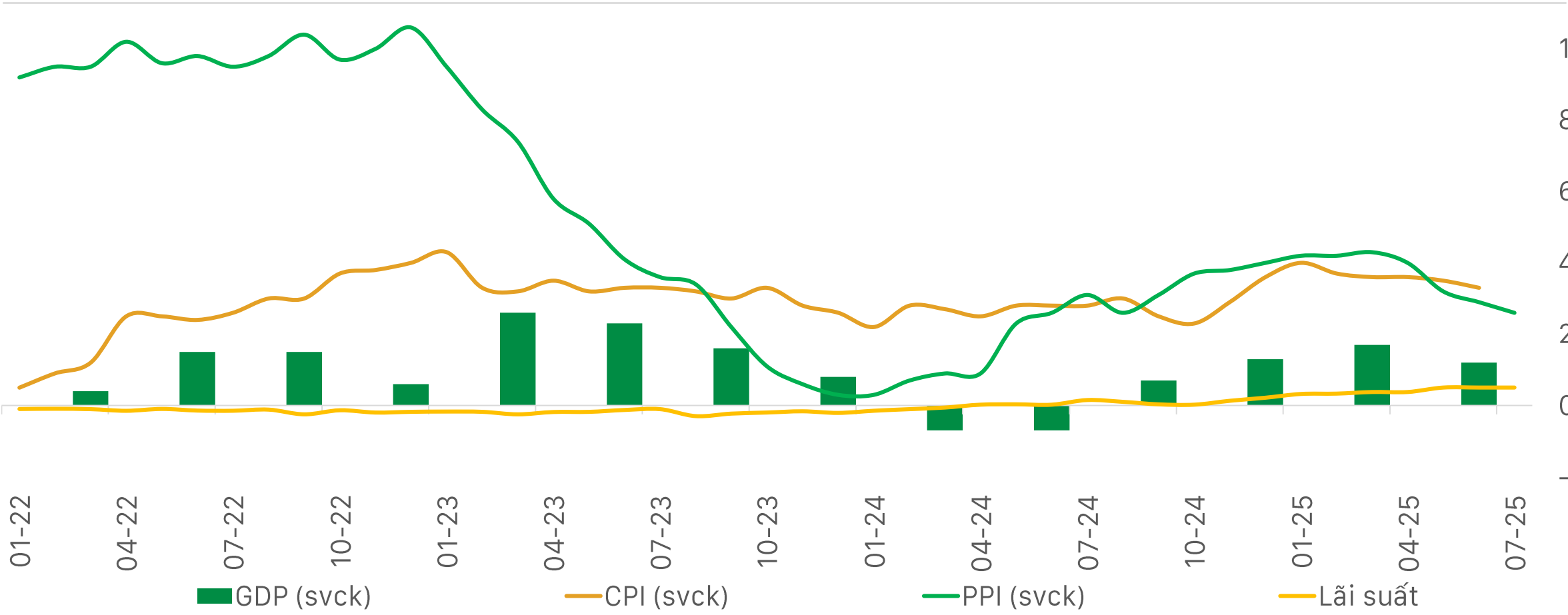
PMI cải thiện nhẹ, nhưng chưa vượt vùng co hẹp



NHẬT BẢN: TĂNG TRƯỞNG NHỜ XUẤT KHẨU—LẠM PHÁT DẠI DẰNG VÀ BOJ ĐỨNG TRƯỚC NGÃ BA QUYẾT SÁCH.

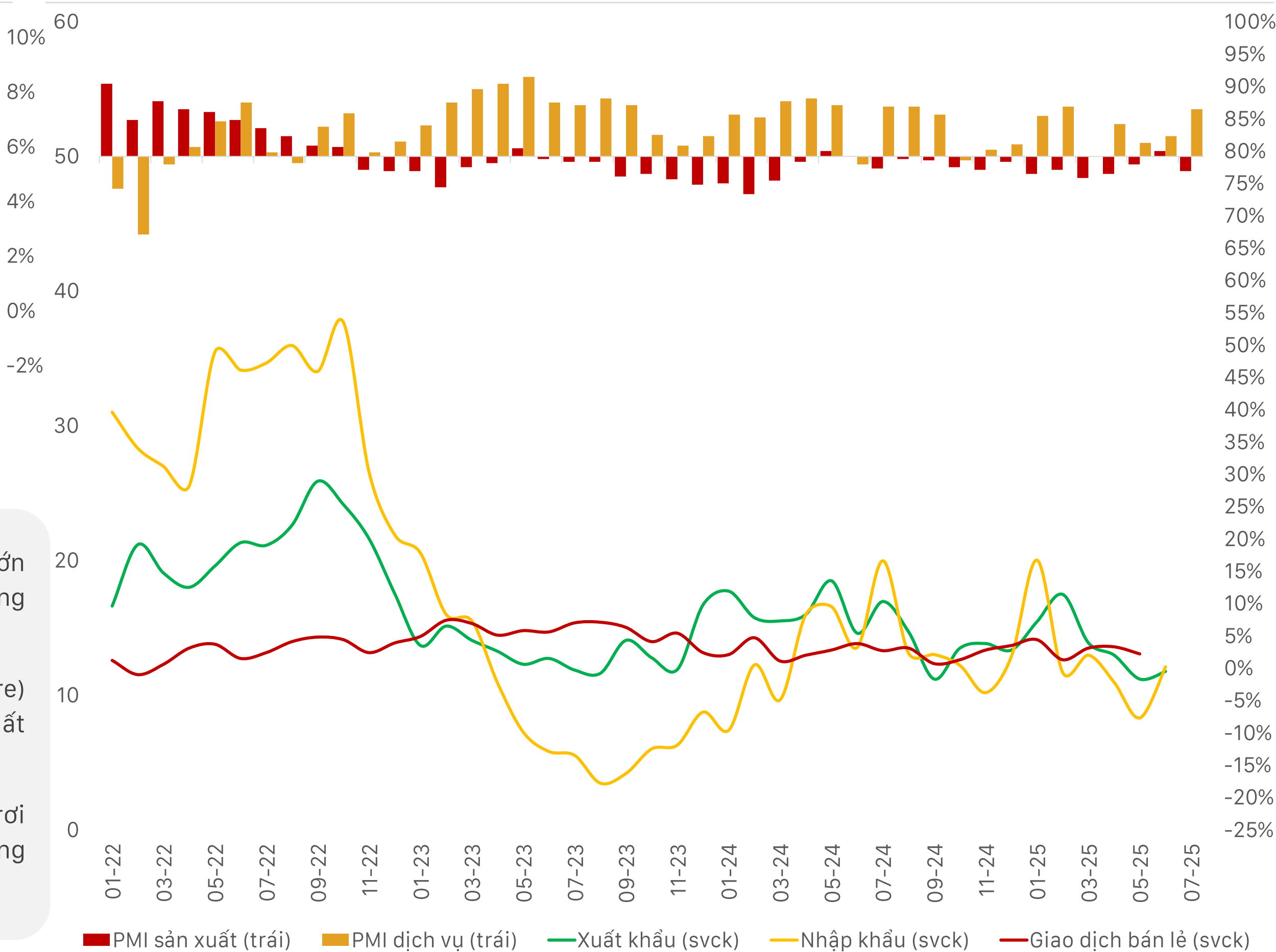
Bức tranh Nhật Bản mang tính “hai tốc độ”: một cú đẩy từ xuất khẩu và đầu tư giúp GDP quý II vượt kỳ vọng, nhưng nền tảng nội địa (sản xuất và sức cầu bền vững) vẫn mỏng; lạm phát lõi dù giảm nhẹ vẫn nằm trên mục tiêu, tạo áp lực để BOJ cân nhắc tiếp tục tăng lãi nếu dữ liệu giá giữ vững. Thị trường đang định giá khả năng một hoặc vài lần điều chỉnh lãi thêm trong nửa cuối 2025, nhưng rủi ro lớn là đà xuất khẩu suy yếu (do thuế quan và cầu ngoại giảm) sẽ lộ rõ trong các quý tới, làm giảm dư địa chính sách. Do đó kịch bản hợp lý: tăng trưởng tiếp tục khiêm tốn, BOJ duy trì lập trường thận trọng nhưng sẵn sàng thắt chặt nếu lạm phát bền; trọng tâm theo dõi — tốc độ xuất khẩu, CPI lõi, và số liệu PMI ngành chế tạo.

Tăng trưởng bất định, phục hồi nội địa còn yếu- Lạm phát cơ bản duy trì trên mục tiêu dù có xu hướng hạ nhiệt



- GDP quý II mạnh hơn dự báo, chủ yếu nhờ xuất khẩu và đầu tư.** GDP tăng vượt kỳ vọng, phần lớn do đợt “rush” xuất khẩu trước thuế quan và đầu tư doanh nghiệp hỗ trợ; song động lực này mang tính tạm thời nếu cầu bên ngoài yếu đi.
- Lạm phát lõi vẫn trên mục tiêu nhưng có dấu hiệu hạ nhiệt nhẹ.** chỉ số lạm phát lõi (Tokyo/core) duy trì trên mục tiêu BOJ và chỉ hạ nhẹ trong tháng gần nhất, giữ khả năng cho việc tăng lãi suất nếu xu hướng dai dẳng.
- Sản xuất co hẹp trong khi dịch vụ và tiêu dùng cá nhân tiếp tục là điểm sáng.** PMI sản xuất rơi dưới 50 (thu hẹp) còn dịch vụ và tiêu dùng cá nhân vẫn tương đối ổn, cho thấy phục hồi không đồng đều.

Hoạt động sản xuất suy yếu, dịch vụ giữ vai trò cứu cánh



Chỉ số	Đóng cửa	1 Tuần	1 Tháng	Từ đầu năm	1 Năm
Gold	3,335.60	-1.9%	-0.3%	27.1%	33.0%
WTI/USD	63.14	-1.2%	-3.1%	-12.0%	-16.4%
Bitcoin	117,753	1.1%	-1.3%	26.2%	98.2%
Dow Jones	44,946	1.7%	1.6%	5.7%	10.5%
S&P 500	6,450	0.9%	3.0%	9.7%	16.1%
Nasdaq	23,712	0.4%	3.5%	12.9%	21.6%
GP100	9,139	0.5%	2.4%	11.8%	10.0%
DAX	24,359	0.8%	1.5%	22.4%	33.0%
CAC 40	7,923	2.3%	2.6%	7.4%	6.4%
Euro Stoxx 50	5,448	1.9%	2.8%	11.3%	12.5%
Nikkei 225	43,378	3.7%	9.4%	8.7%	14.0%
Shanghai	3,697	1.7%	5.5%	10.3%	28.4%
Hang Seng	25,270	1.7%	3.1%	26.0%	45.0%
Vnindex	1,630	2.8%	10.5%	28.7%	30.2%
Set 50	817	-0.1%	8.5%	-9.8%	-1.0%
VND/USD	26,270	0.2%	0.4%	3.1%	4.9%
DXY	97.85	-0.3%	-0.6%	-9.8%	-4.4%

- Thị trường chứng khoán Mỹ trong tuần vừa qua ghi nhận đà tăng mạnh 1.7%, với các chỉ số chính đạt hoặc gần mức cao kỷ lục, nhờ dữ liệu lạm phát ôn hòa, kỳ vọng cắt giảm lãi suất, kết quả kinh doanh tích cực, và giảm lo ngại về thuế quan. Sự luân chuyển dòng tiền sang cổ phiếu nhỏ và giá trị cũng hỗ trợ đà tăng, dù cổ phiếu công nghệ lớn chịu áp lực vào cuối tuần.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng tiếp tục bùng nổ tăng gần 3% chỉ trong tuần qua đưa chỉ số Vnindex đạt cột mốc mới lịch sử 1640. Giá vàng trong tuần qua giảm gần 2% sau thông tin Mỹ không áp thuế cao với vàng nhập khẩu gây áp lực bán tháo, làm giá mất mốc hỗ trợ 3,340 USD/ounce. Đồng USD mạnh lên và tâm lý "risk-on" khi chứng khoán Mỹ tăng điểm cũng giảm sức hút của vàng. Ngược lại đồng Bitcoin lại tăng giá đạt mức kỷ lục mới nguyên nhân do dòng vốn mạnh từ các quỹ ETF Bitcoin, đặc biệt sau khi Mỹ phê duyệt thêm các quỹ mới, đã thúc đẩy tâm lý lạc quan. Ngoài ra kỳ vọng Fed cắt giảm lãi suất vào tháng 9 (xác suất 88.9% theo CME FedWatch) do lạm phát CPI ổn định ở 2.7% đã hỗ trợ các tài sản rủi ro như Bitcoin.

ĐIỂM NHẤN VĨ MÔ – THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM



THANH KHOẢN DỒI DÀO — USD NEO CAO NHƯNG ÁP LỰC SUY YẾU DẦN DO KỲ VỌNG FED CẮT LÃI

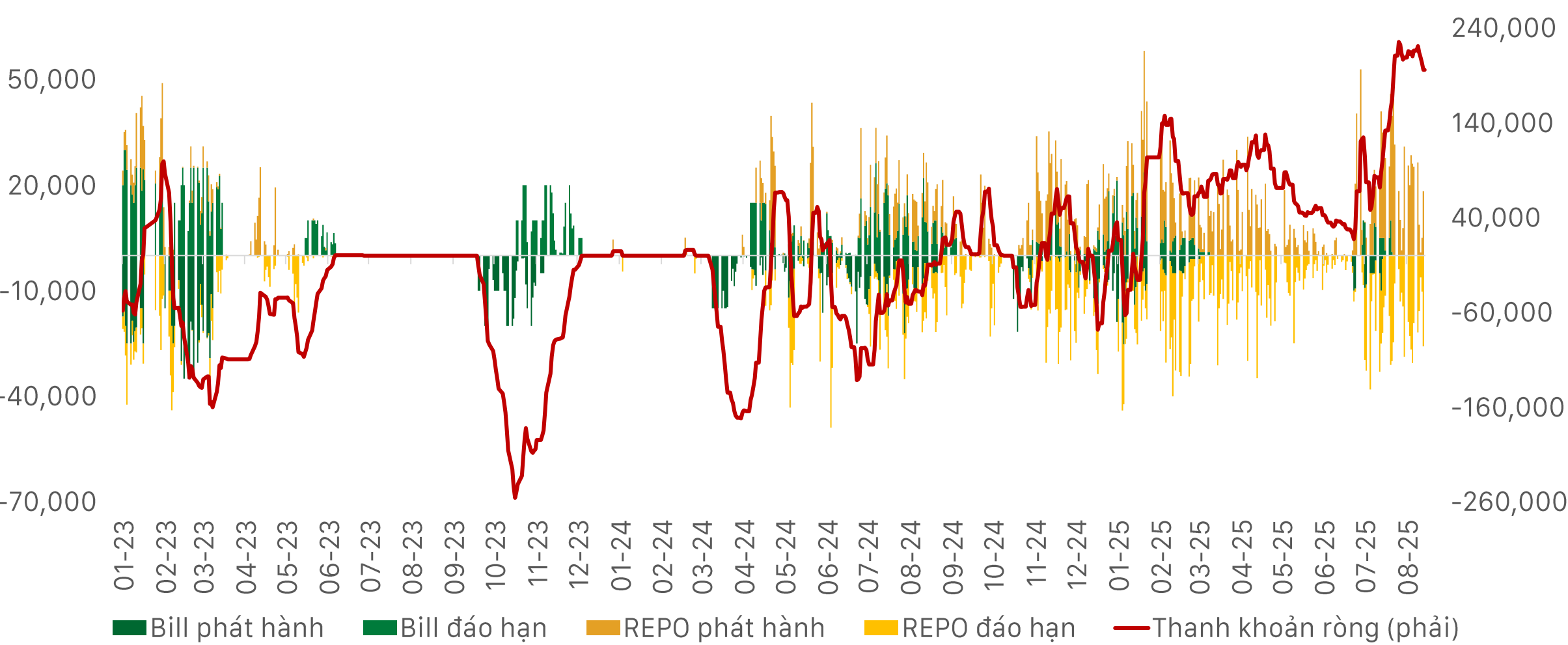


Thị trường tiền tệ trong nước đang vận hành trong môi trường thanh khoản dồi dào và chính sách chủ động của NHNN, nhờ đó USD/VND tuy ở mức cao nhưng không bộc phát thành cú nhảy vọt. Ở hàng rào quốc tế, DXY đã giảm bớt áp lực so với đỉnh do kỳ vọng Fed có thể bắt đầu cắt lãi nếu lao động và lạm phát tiếp tục yếu — điều này giảm một phần áp lực lên VND. Tuy nhiên rủi ro vẫn hiện hữu: (i) đột biến dữ liệu lạm phát/PCE tại Mỹ có thể đảo ngược kỳ vọng Fed và đẩy DXY tăng lại; (ii) dòng vốn nóng và cú sốc thương mại/địa chính trị có thể gây áp lực tỷ giá.

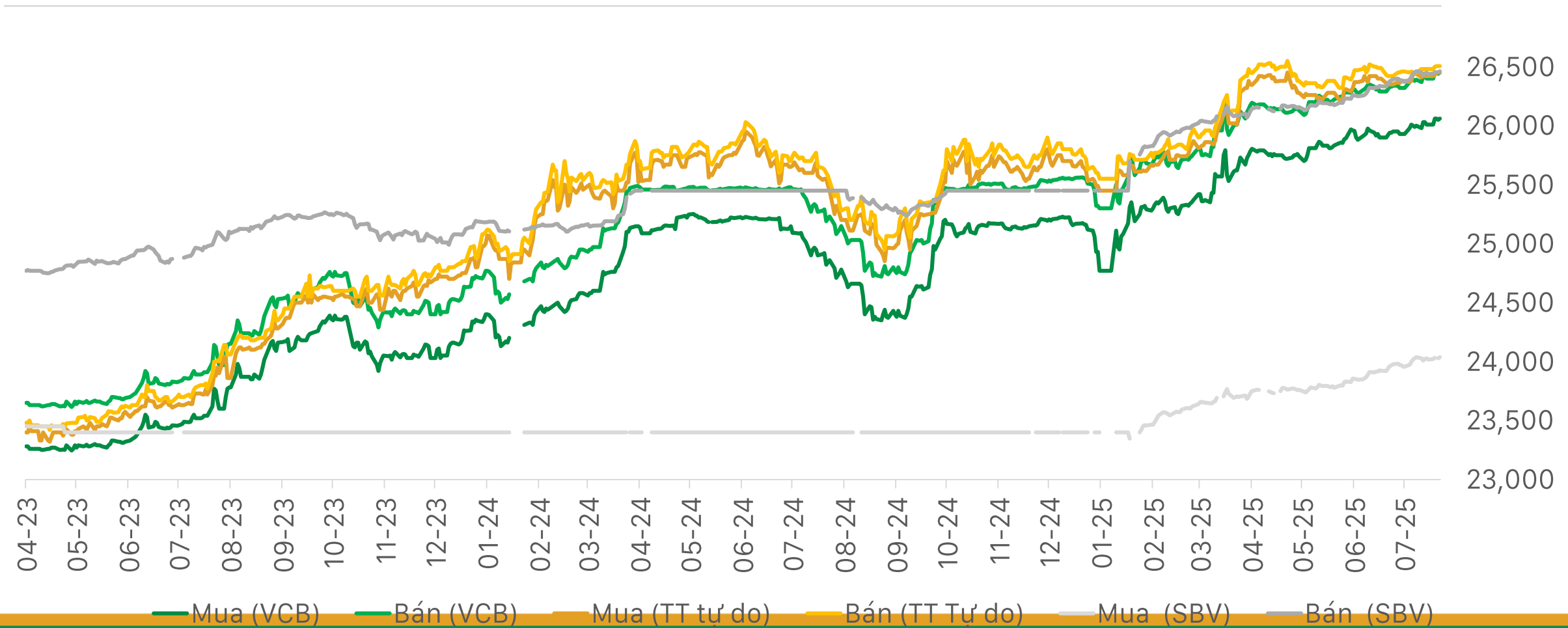
- DXY: từ đỉnh đầu tháng 8 hạ nhẹ, phản ánh kỳ vọng Fed nới lỏng.** Đồ thị DXY cho thấy đợt tăng lên gần vùng 99 đầu tháng 8 sau đó điều chỉnh về vùng khoảng 98–98.5 khi thị trường gia tăng dự báo cắt lãi; động lực ngắn hạn là kỳ vọng dữ liệu lao động và PCE, vì vậy DXY vẫn nhạy với mỗi báo cáo vĩ mô Mỹ.
- USD/VND: dao động ở mức cao nhưng không tiếp tục tăng mạnh - Chính sách thị trường vẫn linh hoạt nhưng Fed đang cân nhắc nới lỏng.** Tỷ giá VND/USD dao động trong vùng cao phản ánh nhu cầu USD mạnh và sự yếu đi của VND trong bối cảnh lãi suất Mỹ vẫn đang cao. Fed đang trong trạng thái chờ đợi có điều kiện — dù định hướng bắt đầu nghiêng về hạ lãi suất, quyết định cuối cùng vẫn phụ thuộc vào dữ liệu lao động và lạm phát tương lai.
- Thanh khoản và lãi suất nội địa: NHNN bơm ròng, mặt bằng lãi suất được kiểm soát.** Biểu đồ thanh khoản và lãi suất huy động/huy động kỳ hạn cho thấy NHNN duy trì bơm ròng (OMO/tín phiếu lãi suất ~4%) để giữ thanh khoản dồi dào; lãi suất liên ngân hàng và huy động dao động ở mức thấp/ổn định, tạo không gian cho tín dụng tăng mà không gây sốc lãi.

NHNN bơm ròng, mặt bằng lãi suất được kiểm soát

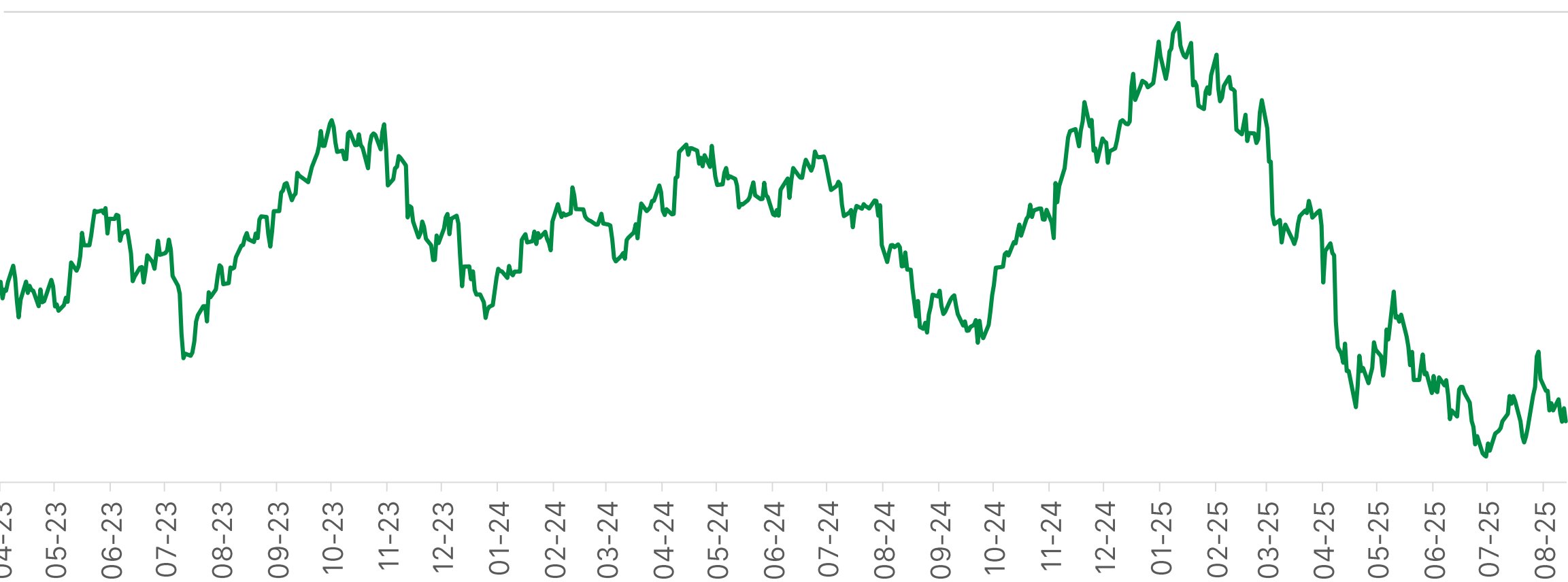
Đơn vị: Nghìn Tỷ VND



USD/VND tiếp tục dao động ở vùng cao, áp lực giảm dần. Đơn vị: VND/USD



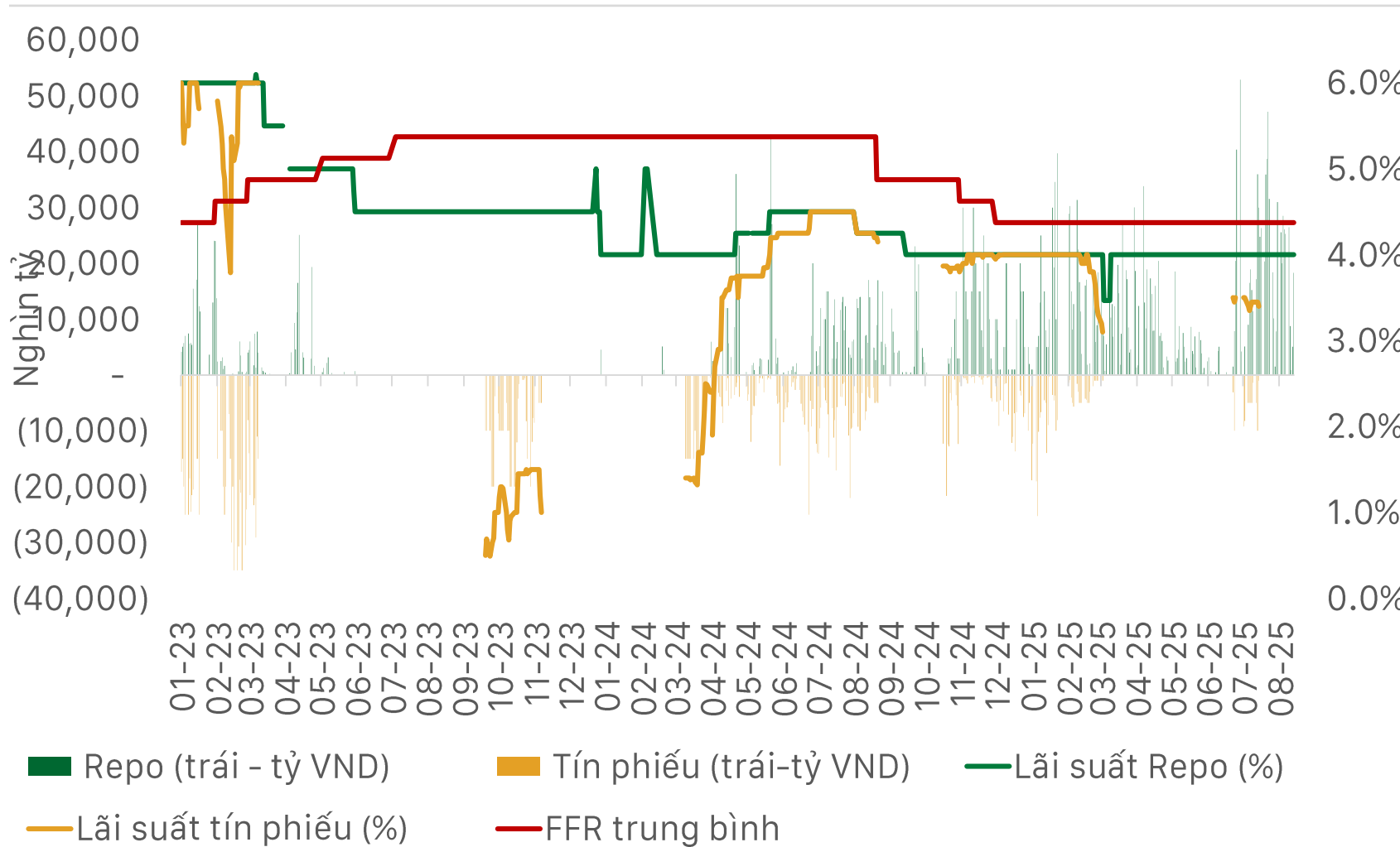
DXY: từ đỉnh đầu tháng 8 hạ nhẹ, phản ánh kỳ vọng Fed nới lỏng



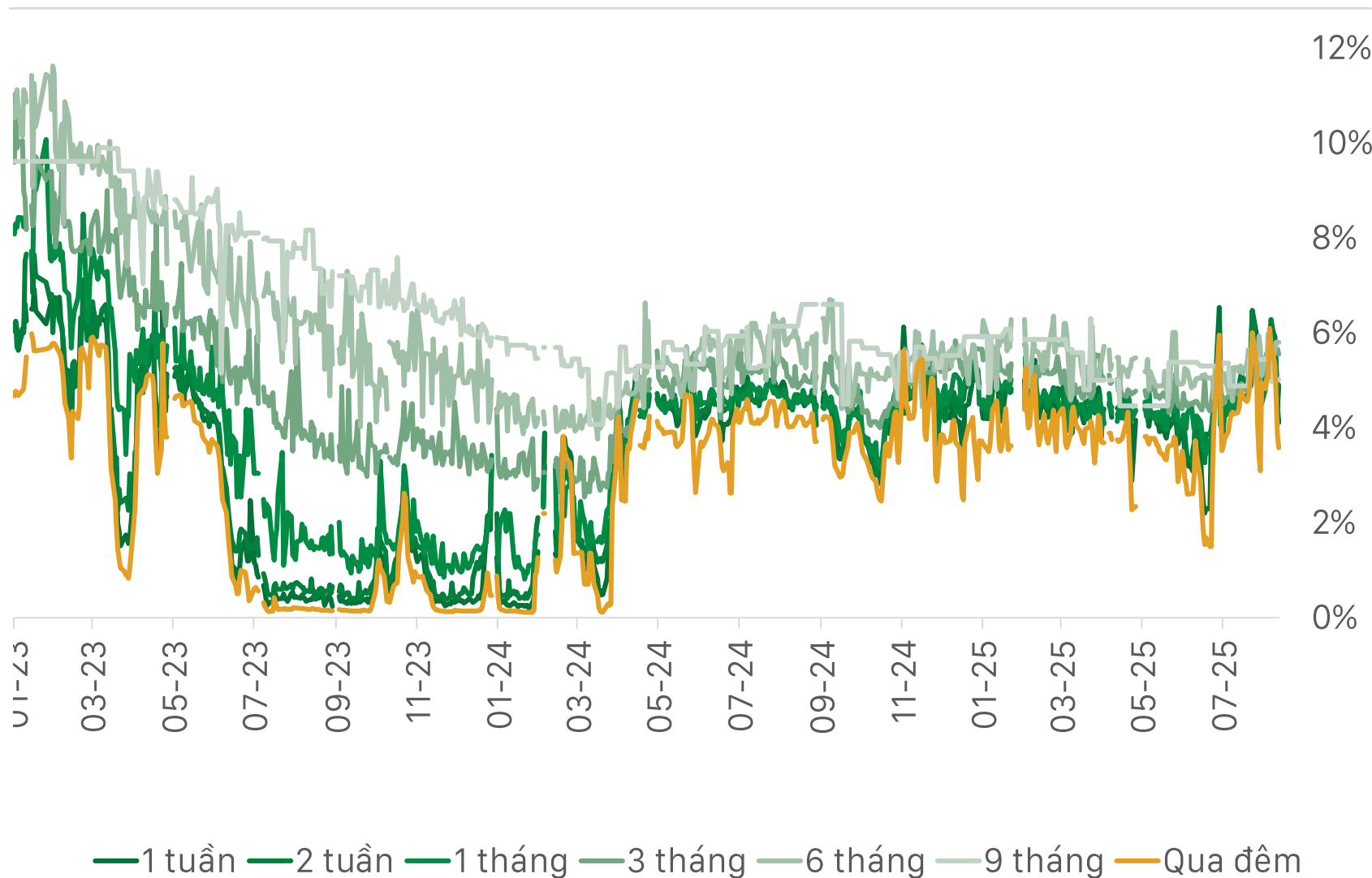
Chính sách tiền tệ của NHNN vận hành theo hướng nới lỏng có kiểm soát: ưu tiên bơm ròng thanh khoản bằng OMO để giữ lãi suất liên ngân hàng ở mức hợp lý, hỗ trợ giải ngân tín dụng và ổn định chi phí vốn cho nền kinh tế. Diễn biến này giúp duy trì hoạt động tín dụng, nhưng cũng đặt yêu cầu cân bằng — nếu bơm ròng kéo dài trong khi tín dụng tăng nhanh sẽ gia tăng rủi ro lạm phát và áp lực lên dự trữ ngoại hối.

- NHNN bơm ròng lớn qua OMO, ngừng phát hành tín phiếu** — Từ đầu tháng 8 và tiếp tục các tuần sau đó bơm ròng thêm hàng chục nghìn tỷ bằng nghiệp vụ mua kỳ hạn thay vì phát hành tín phiếu.
- Lãi suất liên ngân hàng biến động mạnh nhưng hạ nhiệt quanh vùng an toàn** — Thị trường ghi nhận các phiên tăng đột biến (cuối tháng 7 có lúc chạm vùng cao), song từ đầu tháng 8 lãi suất qua đêm dao động trở lại ở mức quanh 3,8%–4,0% theo dữ liệu SBV; điều này phản ánh thanh khoản được bơm và điều tiết kịp thời.
- Mặt bằng lãi suất huy động tương đối ổn nhưng có điều chỉnh ở một số NHTM** — Lãi suất huy động trung bình vẫn giữ ở mức thấp cho hầu hết kỳ hạn, tuy nhiên một vài ngân hàng thương mại công bố tăng nhẹ lãi suất để thu hút tiền gửi gần đây, phản ánh áp lực cạnh tranh trong huy động khi tín dụng tăng.

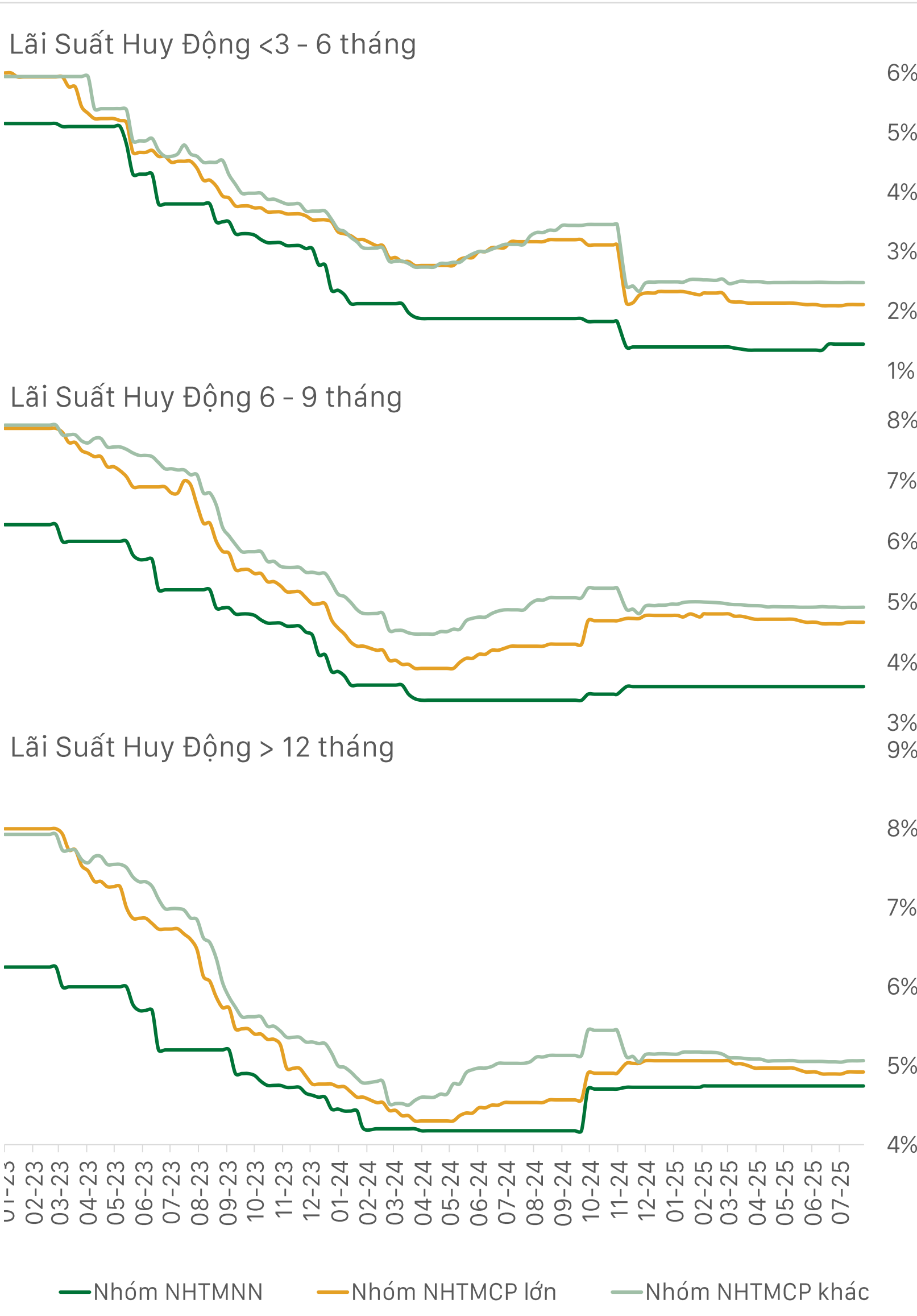
Nhân hàng nhà nước liên tục bơm ròng thanh khoản ngắn hạn vào hệ thống với mức lãi suất 4%.



Lãi suất liên ngân hàng có biến động gia tăng nhưng được điều hành và kiểm soát về mức thấp.



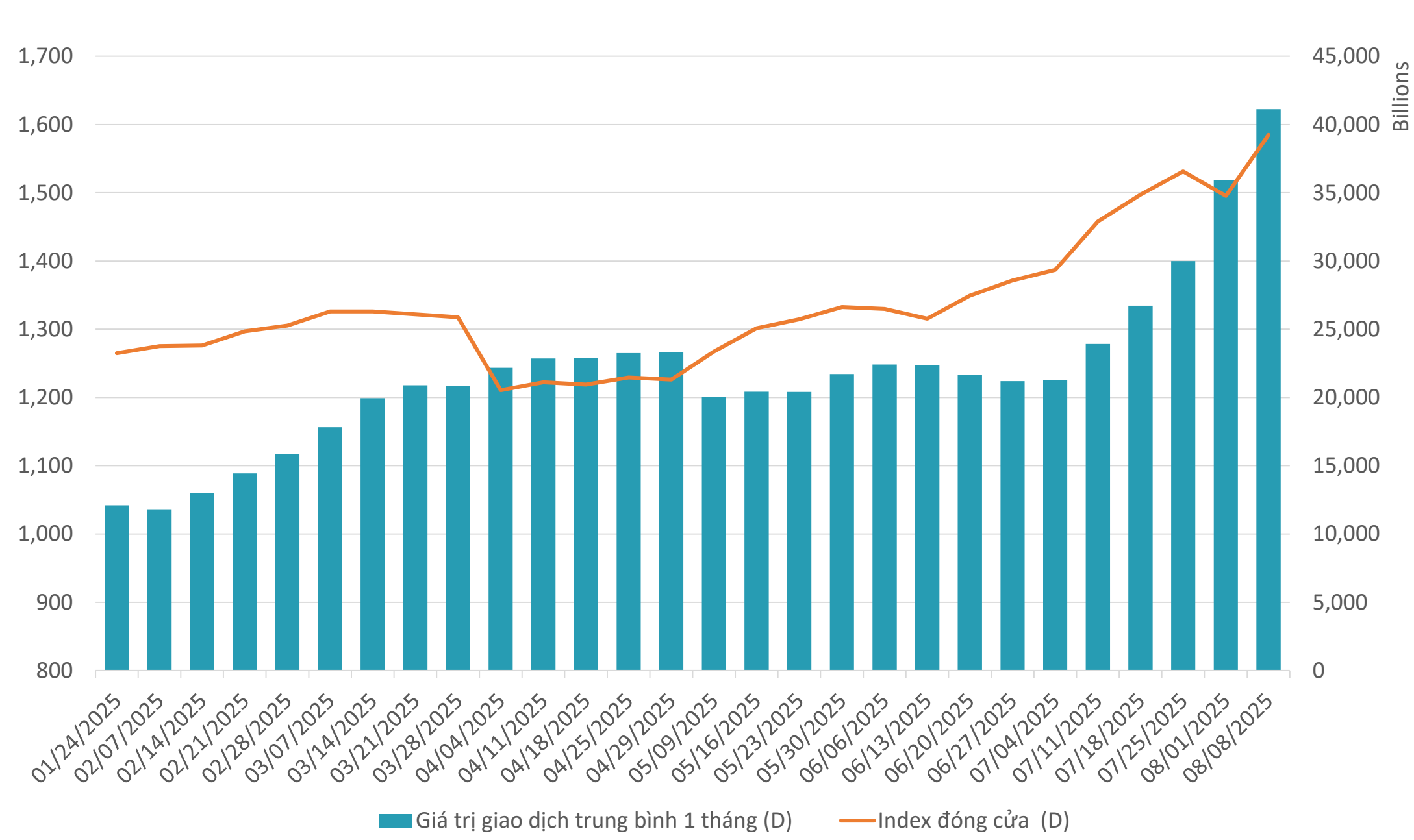
Lãi suất huy động đi ngang từ đầu năm đến nay ở mặt bằng thấp



Đồ thị ngày VN-Index



Thanh khoản đạt đỉnh cao nhất

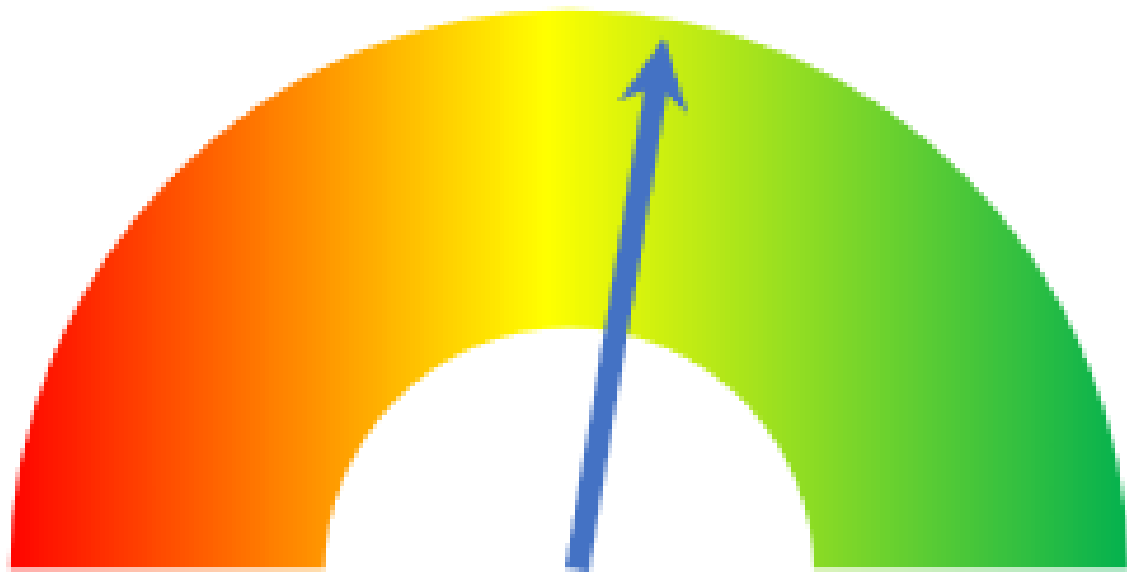


- Trong tuần qua thị trường chứng khoán Việt Nam đã có cú vượt sóng ngoạn mục từ vùng 1584 lên thẳng 1640 với mức tăng gần 3%. Thanh khoản chung của thị trường lại tăng vượt 10% so với tuần trước đó với mức trung bình trên 40 ngàn tỷ mỗi phiên – con số tăng gần gấp đôi so với chỉ 1 tháng trước đó. Nhóm ngành ngân hàng là nhóm ngành đóng góp mạnh nhất trong sóng tăng tuần vừa qua với các cổ phiếu tâm điểm MBB, SHB, ACB, EIB.
- Sau những phiên nước rút mạnh đầu tuần thì những phiên cuối tuần thị trường đã có sự phân hóa rất mạnh và xuất hiện trạng thái xanh vỏ đỏ lòng với sắc diện chung hầu hết gần 2/3 cổ phiếu giảm điểm nhưng chỉ số Index vẫn xanh. Áp lực đè nén ngày càng lớn đã làm thị trường quay đầu giảm điểm ở phiên cuối tuần tuy nhiên mức độ giảm không đáng kể và cũng không có sự đột biến về dòng tiền cũng như áp lực bán quá lớn.

Chỉ số Vnindex đang ở trạng thái uptrend rất mạnh mẽ do đã có thời gian tích lũy hơn 2 năm ở vùng giá quanh 1100-1300. Nếu như đợt sóng 2021 chỉ số Vnindex tăng từ vùng 650 – 1530 tương ứng với mức tăng 135% thì đợt sóng năm nay chỉ số Index chỉ mới tăng khoảng 50%. Một số nhận định cho rằng chỉ số Vnindex nếu thuận lợi có thể đạt cột mốc 1800 tương ứng mức tăng 64% là hoàn toàn có khả năng thành hiện thực. Thị trường sau mỗi nhịp tăng trung bình từ 2-3 tuần sẽ có những nhịp ngắn nghỉ ngơi và trạng thái thị trường trong tuần tới có thể sẽ xuất hiện khoảng nghỉ ngắn như vậy. Trạng thái thị trường sẽ tiếp tục phân hóa mạnh và dòng tiền sẽ dồn sức vào các nhóm ngành nổi bật nhất vì vậy việc phân bổ vốn cần sự linh hoạt hơn. Tâm lý chung thị trường vẫn khá hưng phấn dù nhà đầu tư có dấu hiệu thận trọng hơn. Đồ thị tuần với RSI đã vượt vùng 80 cũng là dấu hiệu cảnh báo quá mua cần lưu ý.

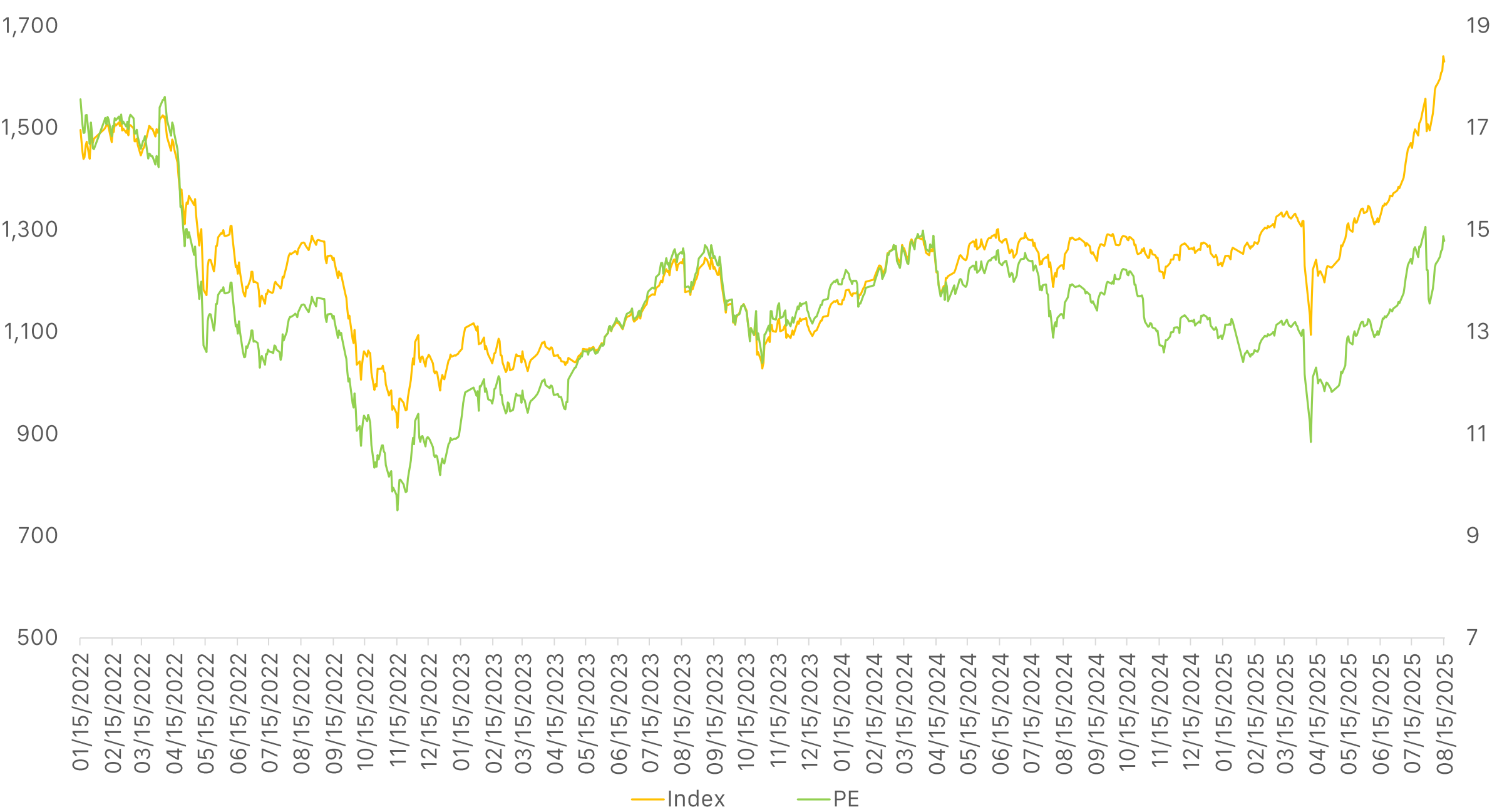


Mức độ hưng phấn thị trường

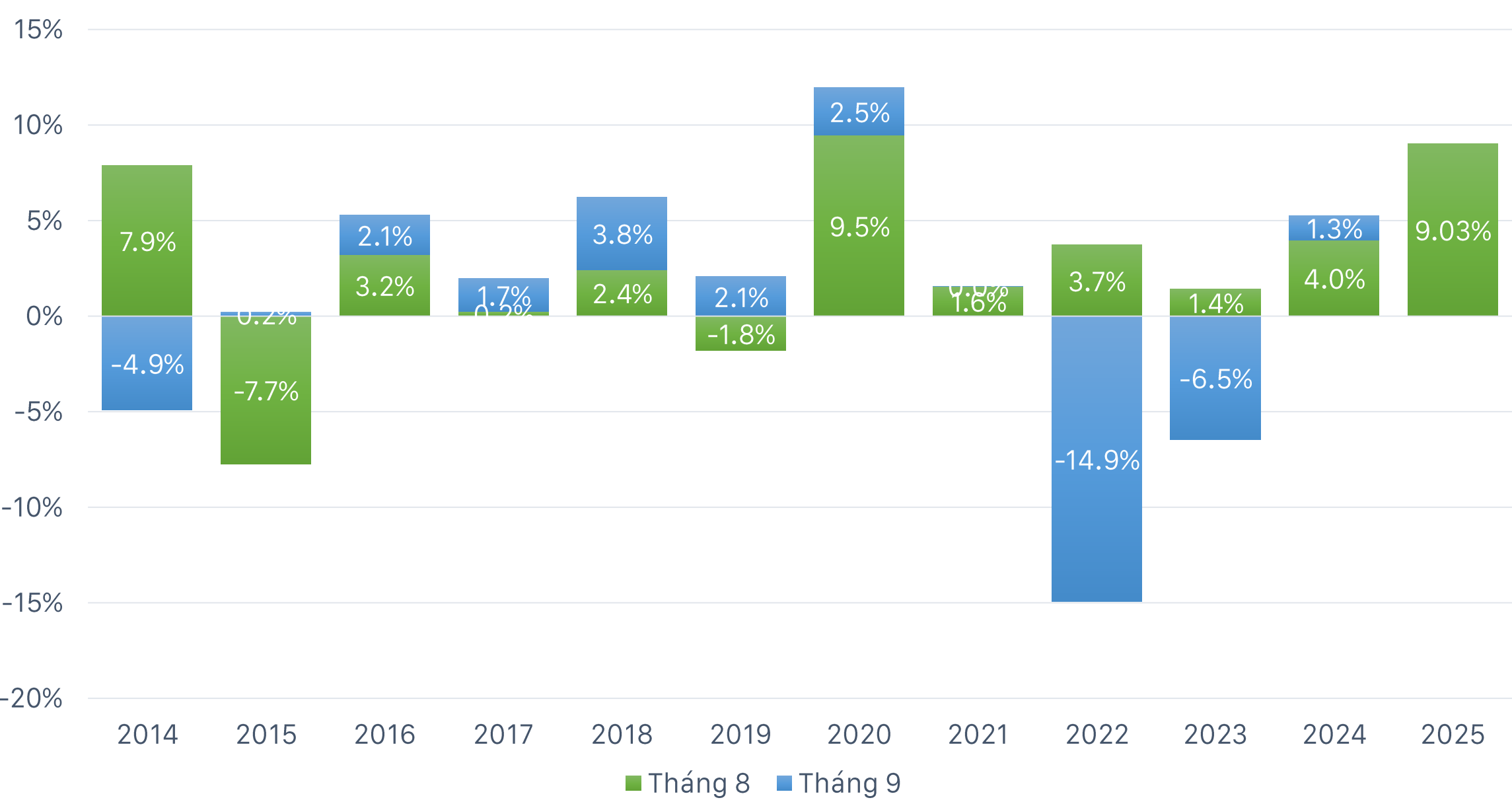


RSI	76.04
MACD	49.02
MFI	77.91
MA20	1550
MA50	1452
MA200	1315

PE thị trường hiện quanh 15 thấp hơn giai đoạn 2022



Chu kỳ tháng 8,9 năm nay duy trì đà tăng trưởng các năm 2014 - 2021

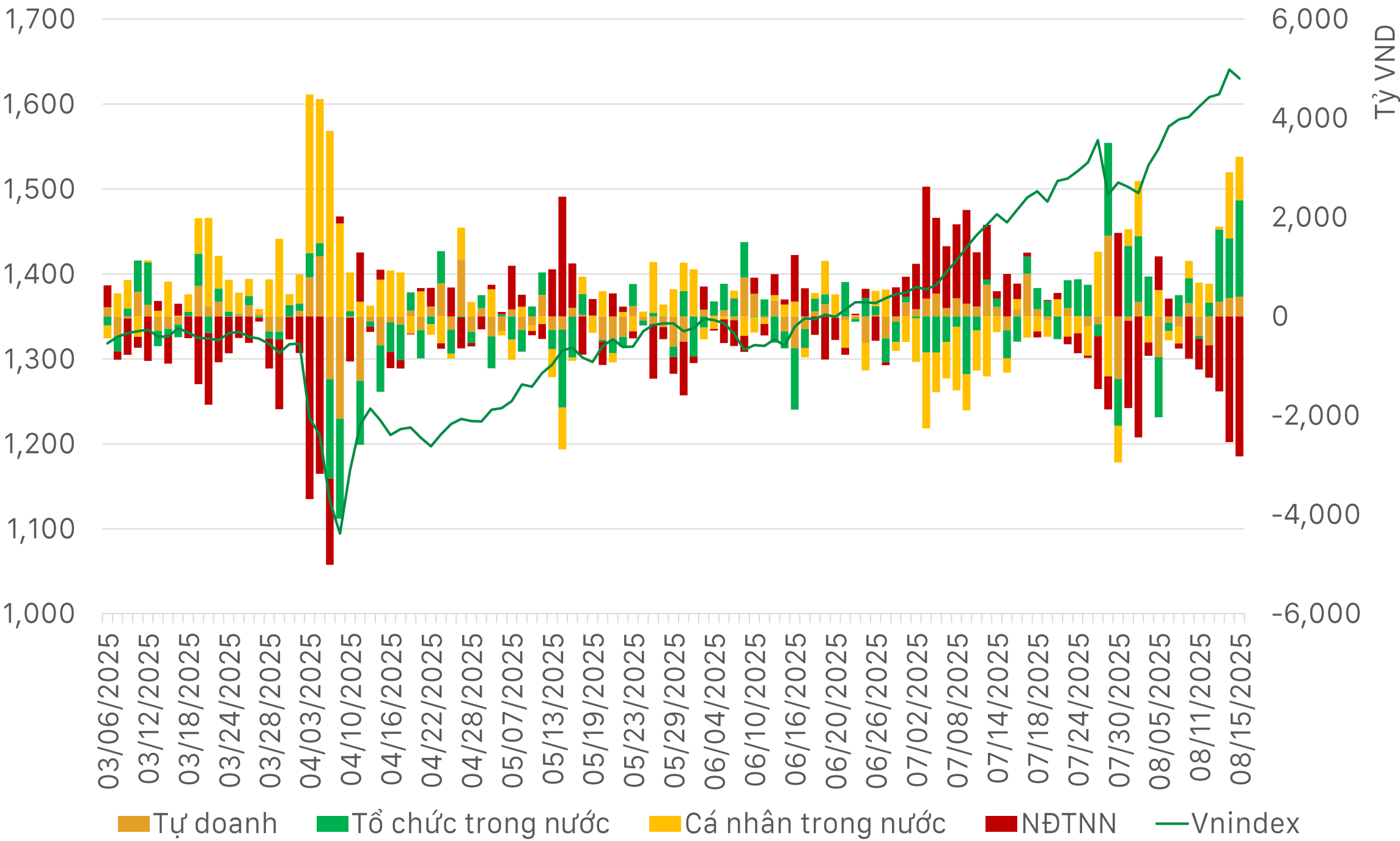


- Định giá PE thị trường hiện dao động quanh mức 15. PE hiện tại đang vượt mức trung bình 10 năm thấp hơn chỉ số PE vào đầu năm 2022 – cùng thời điểm Vnindex đạt đỉnh cao gần 1550. Một số cổ phiếu đầu ngành thị trường ở nhóm ngân hàng có định giá khá thấp là yếu tố hỗ trợ hiện tại.
- Thị trường kỳ vọng đặc biệt vào khả năng nâng hạng vào cuối năm và kinh tế tăng trưởng như kế hoạch. Các ngành kinh tế hồi phục và đạt lợi nhuận cao là yếu tố quan trọng thúc đẩy thị trường duy trì tăng trưởng.
- Trong tuần đầu tiên của tháng 8 thị trường đã có mức tăng đến 9% - trở thành tháng có mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2020 – giai đoạn thị trường hồi phục sau khi rơi mạnh sau đợt dịch 2021.

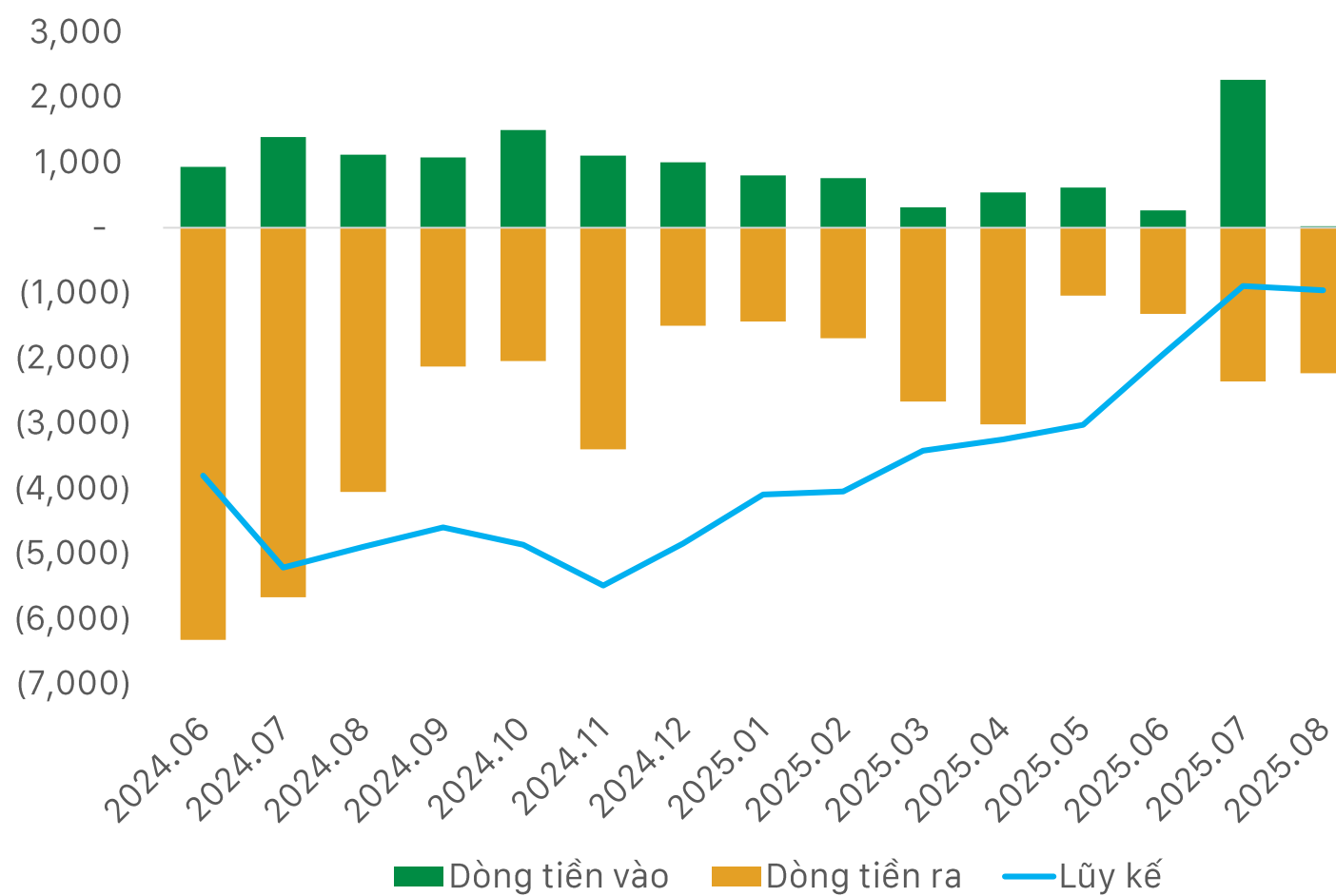
Chỉ số / Ngành	Index	P/E	% 1 tuần	% 1 tháng
VNINDEX	1,630.00	14.78	2.8%	11.6%
Ngân hàng	772.07	11.07	5.6%	17.8%
Dịch vụ tài chính	1,086.89	25.64	7.4%	32.0%
Bất động sản	703.23	19.11	1.3%	10.6%
Hóa chất	295.65	17.93	0.3%	6.9%
Tài nguyên Cơ bản	472.11	20.40	-0.2%	9.0%
Ô tô và phụ tùng	621.37	8.51	3.7%	22.2%
Bán lẻ	1,392.34	22.26	-2.2%	2.7%
Hàng cá nhân & Gia dụng	149.87	10.73	-0.5%	1.6%
Viễn thông	1,018.42	32.67	-1.6%	7.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6,155.86	14.64	0.5%	5.5%
Dầu khí	91.74	34.02	3.5%	17.1%
Thực phẩm và đồ uống	900.67	18.06	1.7%	3.8%
Xây dựng và Vật liệu	396.44	11.85	1.2%	4.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	484.68	17.63	-2.3%	3.4%
Y tế	990.44	16.17	-0.3%	1.4%
Công nghệ Thông tin	836.16	19.62	-3.0%	-5.7%
Truyền thông	703.88		0.7%	5.1%
Bảo hiểm	369.58	15.72	11.9%	14.5%
Du lịch và Giải trí	41.78	20.33	1.8%	5.5%

- Trong tuần qua chỉ số Vnindex tăng 2.8% nhờ sự đóng góp quan trọng của 2 nhóm ngành dẫn đầu là ngân hàng và chứng khoán. Nhóm ngành bảo hiểm đáng lưu ý với mức tăng đến 11%. Tuy nhiên nhóm ngành bảo hiểm có thanh khoản thấp và ít được quan tâm hơn.
- Các nhóm ngành như bán lẻ, viễn thông, Hàng và dịch vụ công nghiệp, công nghệ thông tin đi ngược thị trường trong tuần qua do một phần áp lực chốt lời và một phần do tin tức không hỗ trợ.

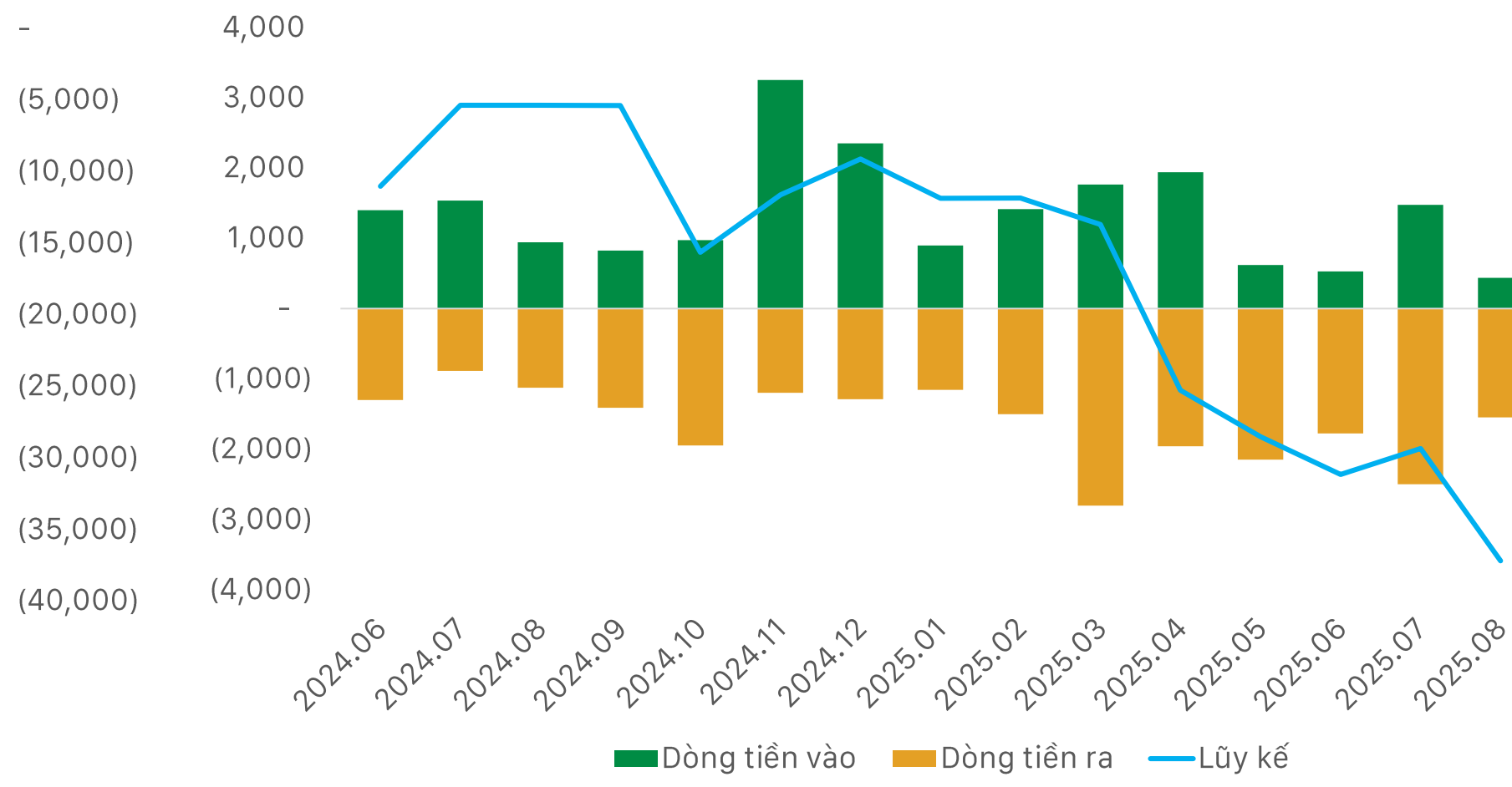
Cơ cấu khớp lệnh theo nhóm nhà đầu tư



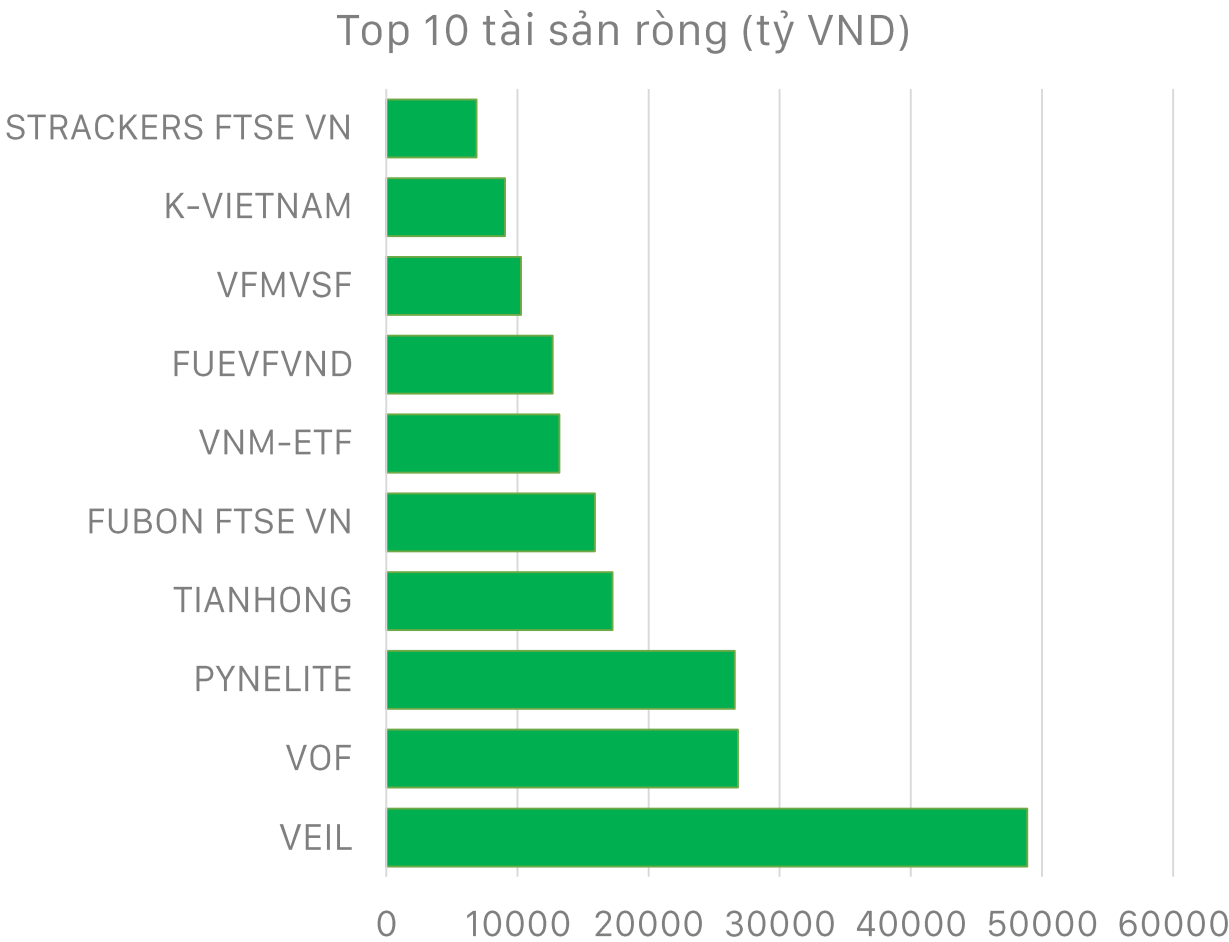
Dòng tiền của quỹ ETF (tỷ VND)



Dòng tiền của quỹ chủ động (tỷ VND)



Top 10 tài sản ròng (tỷ VND)

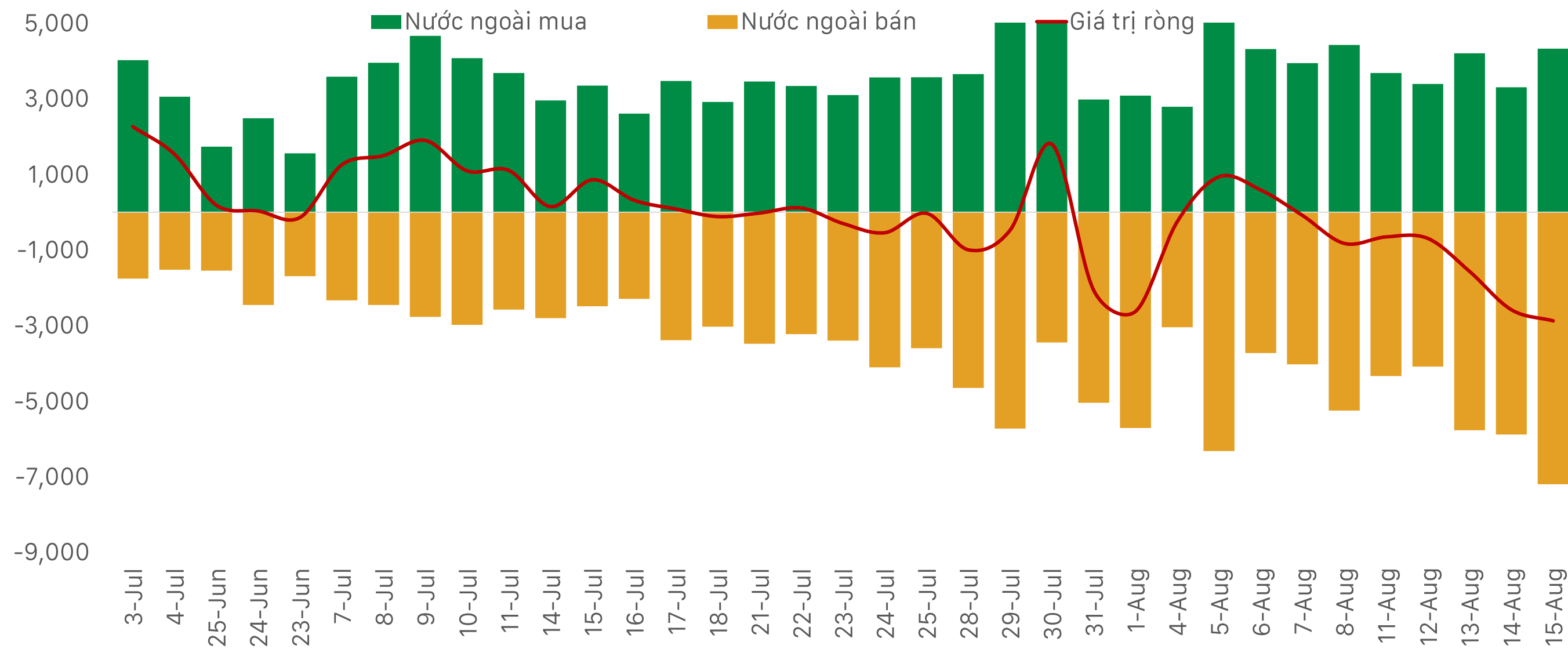


- Dữ liệu việc làm Mỹ yếu hơn dự kiến và thời hạn áp thuế quan mới của Mỹ vào ngày 1/8 đã khiến nhà đầu tư cắt giảm rủi ro ở nhiều lĩnh vực. Quỹ Thị trường Tiền tệ Mỹ và Châu Âu ghi nhận dòng tiền vào trên mức trung bình, với quỹ Mỹ đạt dòng tiền vào lớn nhất kể từ tuần đầu năm và quỹ châu Âu kể từ tuần đầu tháng 5. Quỹ Cổ phiếu Thị trường Mới nổi Toàn cầu (GEM) chấm dứt chuỗi dòng tiền vào dài nhất kể từ quý 2/2021, và Quỹ Cổ phiếu Châu Á (trừ Nhật Bản) và Quỹ Cổ phiếu Mỹ Latinh cũng ghi nhận dòng tiền rút ròng. Tất cả các nhóm Quỹ Cổ phiếu Quốc gia Châu Á (trừ Nhật Bản) đều ghi nhận dòng tiền rút trong tuần kết thúc ngày 6/8, từ 72 triệu USD đối với Quỹ Cổ phiếu Hàn Quốc đến 1,1 tỷ USD đối với quỹ dành cho Trung Quốc đại lục. Dòng tiền tổng thể cho Quỹ Cổ phiếu Mỹ chủ yếu tập trung vào Quỹ Hỗn hợp Vốn hóa Lớn, mặc dù Quỹ Giá trị Vốn hóa Trung bình Mỹ ghi nhận dòng tiền vào đầu tiên kể từ tuần thứ ba của tháng 6.
- Phân tích dòng tiền Quỹ Ngành Mỹ nhấn mạnh sự chuyển dịch trong năm nay sang các nhóm phòng thủ hơn, mặc dù sự yêu thích của nhà đầu tư đối với trí tuệ nhân tạo và các công ty công nghệ vẫn bền bỉ. Quỹ Cổ phiếu Nhật Bản ghi nhận dòng tiền rút thứ tám trong hai tháng qua. Mặc dù con số tổng thể bị ảnh hưởng bởi một quỹ duy nhất, tâm lý trong và ngoài nền kinh tế lớn thứ ba thế giới vẫn mong manh. Sau khi phục hồi vào tháng 5 và 6, niềm tin người tiêu dùng Nhật Bản giảm trở lại vào tháng 7 khi lạm phát làm giảm sức mua của họ.

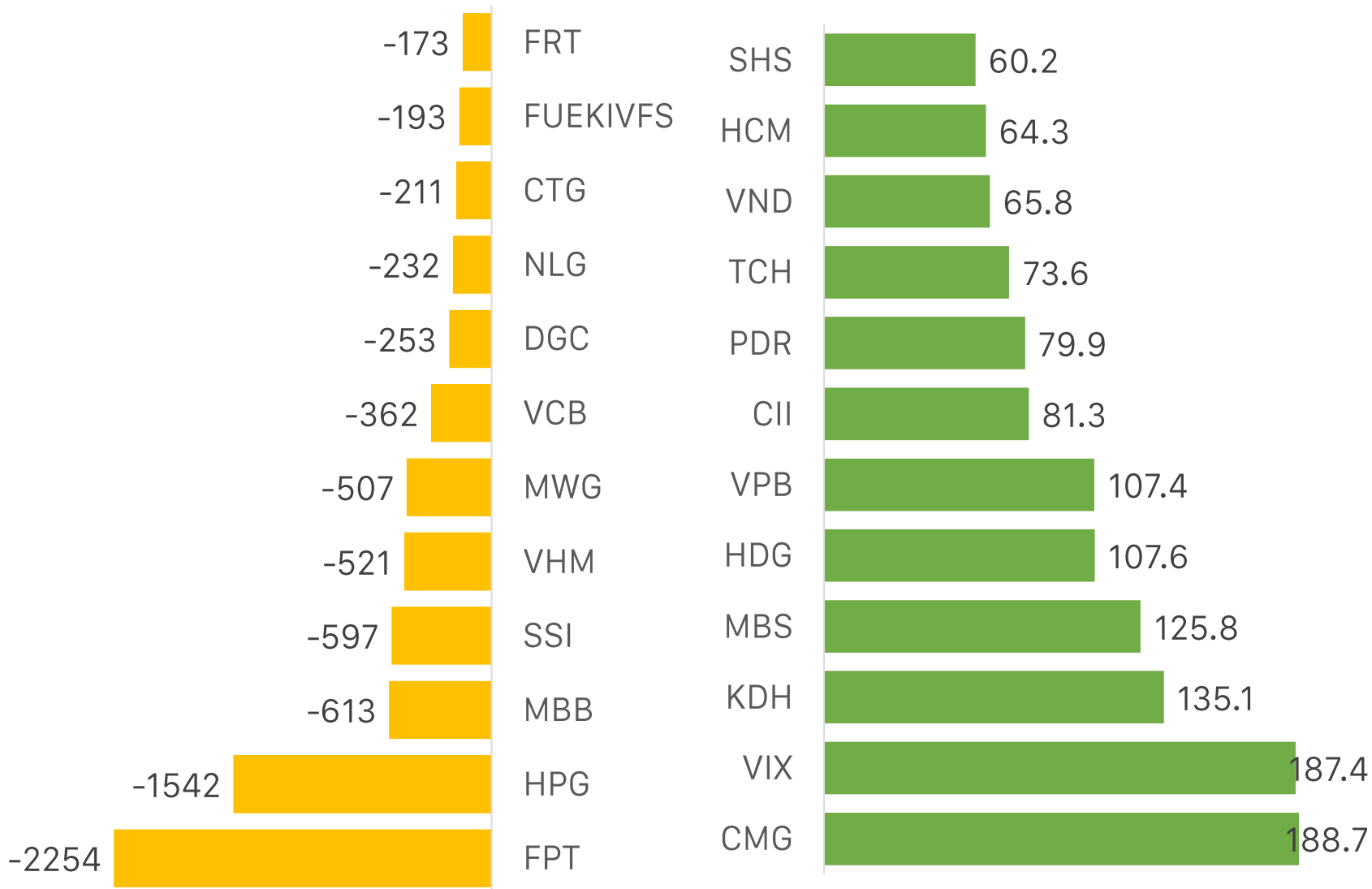
KHỐI NGOẠI GIA TĂNG GIAO DỊCH VÀ BÁN RÒNG NHIỀU HƠN



Giá trị mua bán khối ngoại (tỷ VND)

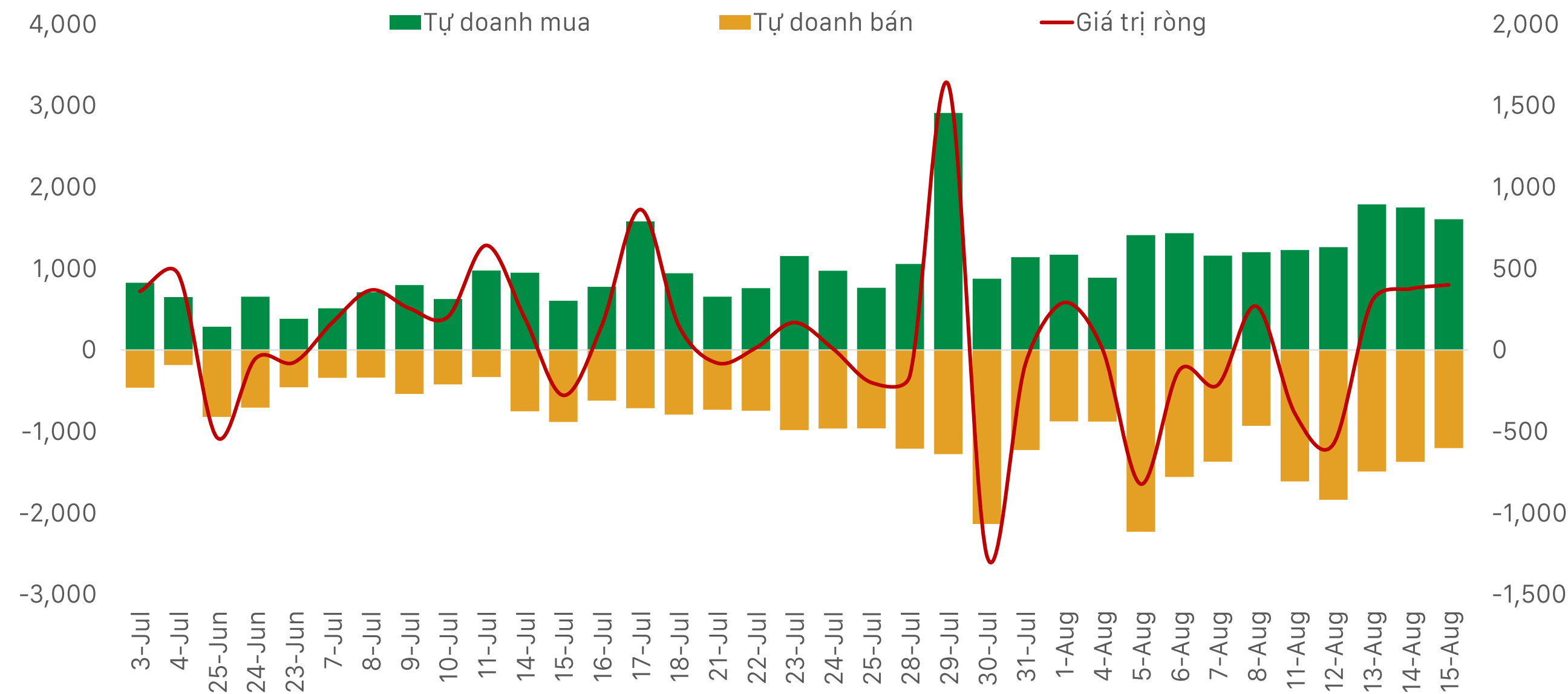


Top CP khối ngoại mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)

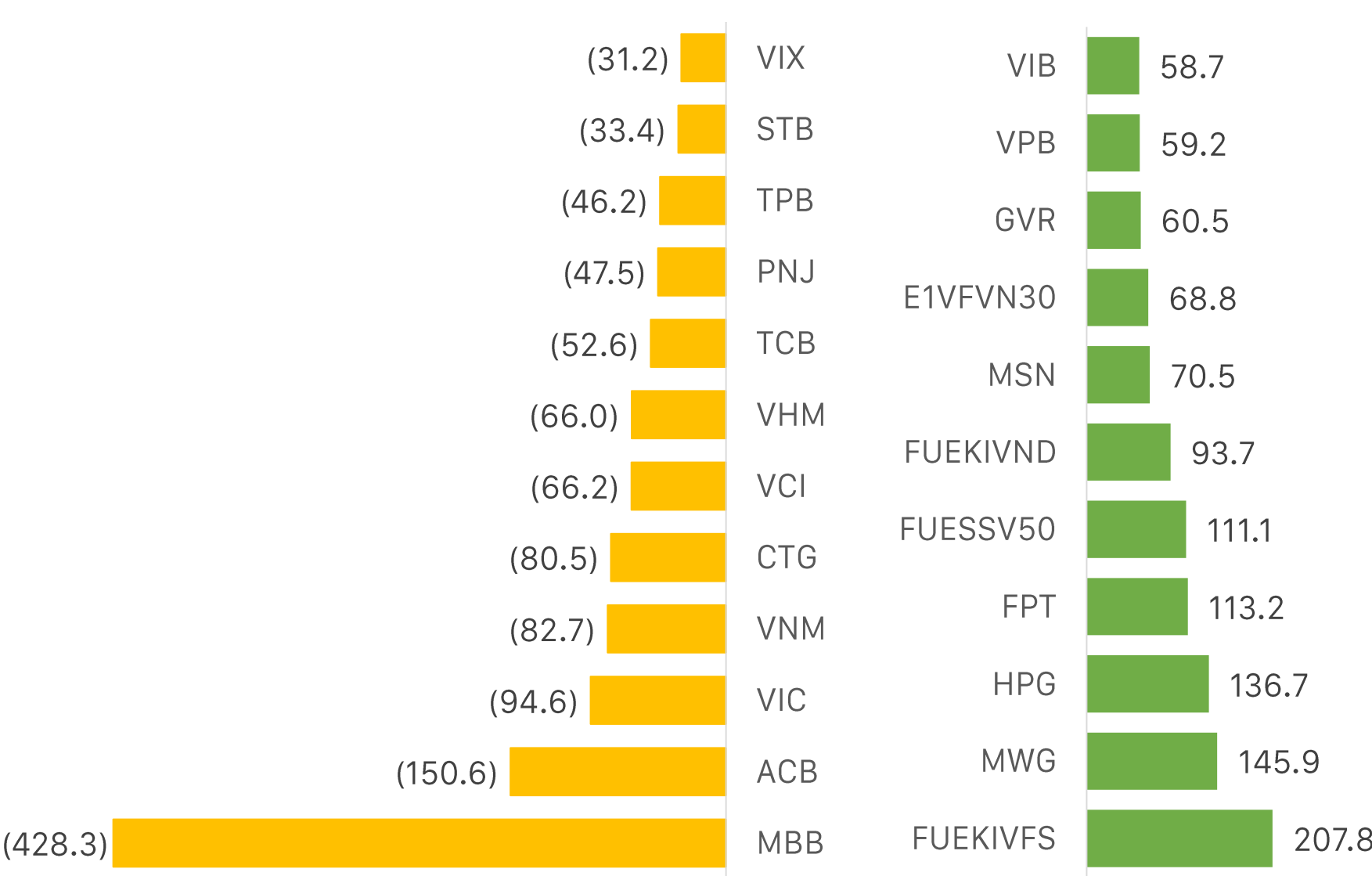


- Khối ngoại gia tăng giao dịch nhiều hơn với chiều bán tăng dần từ mức từ 3 ngàn tỷ lên đến trên 5000 tỷ mỗi phiên trong tuần vừa qua. Mặc dù giá trị mua vào cũng có sự tăng trưởng nhưng vẫn có sự cách biệt so với mức bán ra. Mức độ bán ròng của khối ngoại tăng dần từ mức vài trăm tỷ tuần trước lên mức rất cao gần 3000 tỷ chỉ trong phiên cuối tuần vừa qua.
- Trong tuần qua khối ngoại bán ròng nhiều nhất FPT với giá trị hơn 2200 tỷ đồng. Khối ngoại đã giảm tỷ lệ nắm giữ FPT từ mức 45% nay chỉ còn khoảng 38%. Tổng khối lượng FPT bán ròng từ đầu năm đến nay gần 100 triệu cổ phiếu. Một số cổ phiếu khối ngoại bán chốt lời khá lớn như HPG, SSI, VHM, MWG. Một số ngân hàng cũng ghi nhận bán ròng như MBB, VCB, CTG.
- Phía mua ròng trong tuần qua đáng chú ý là nhóm cổ phiếu xây dựng, bất động sản được khối ngoại mua ròng khá nhiều như KDH 135 tỷ, HDG 107 tỷ, CII 81 tỷ, PDR 80 tỷ và một số cổ phiếu nhóm chứng khoán như VIX 187 tỷ, MBS 125 tỷ, VND 65 tỷ, HCM 64 tỷ, SHS 60 tỷ.

Giá trị mua bán Tự Doanh (tỷ VND)

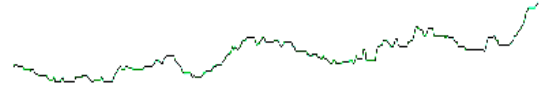
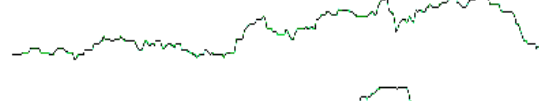
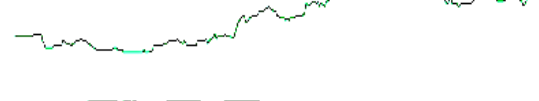


Top CP tự doanh mua bán ròng trong tuần (tỷ VND)



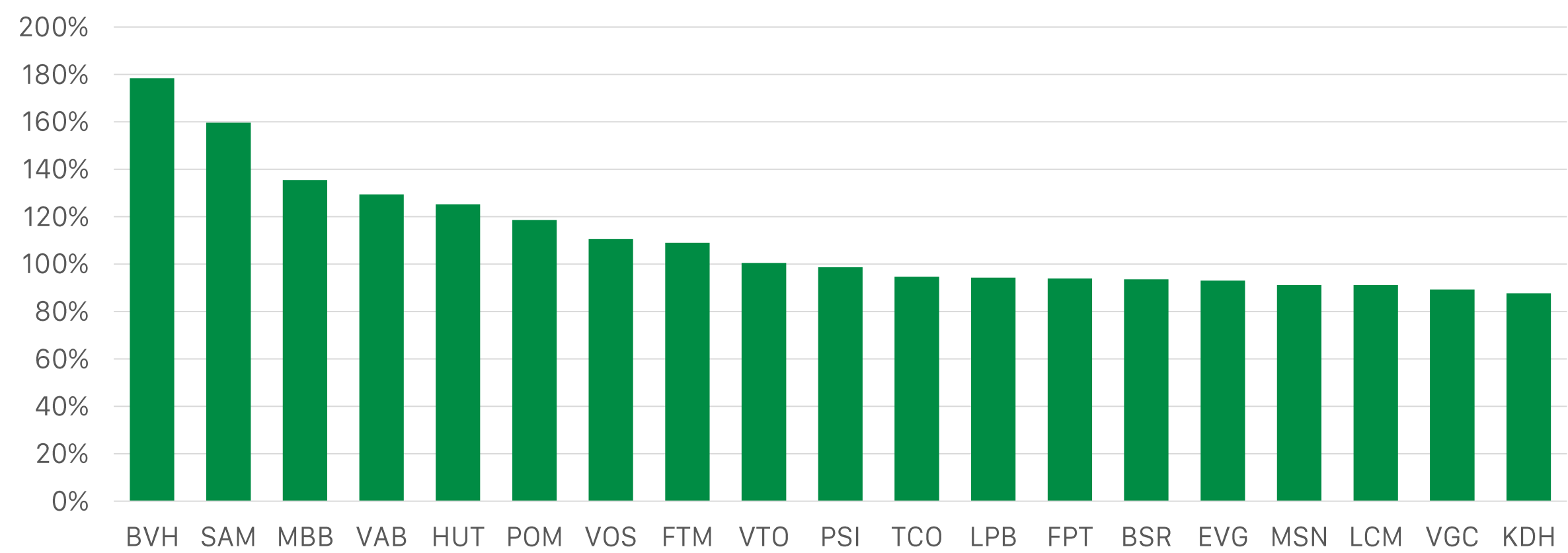
- Khối tự doanh giao dịch tăng mạnh hơn trong tuần vừa qua và có những phiên mua vào hơn 2 ngàn tỷ đồng. Xu hướng chung giao dịch gia tăng ở 3 phiên cuối tuần với giá trị giao dịch tăng đột biến và chủ yếu mua vào nhiều hơn. Ở 3 phiên mua ròng cuối tuần tự doanh chủ yếu tập trung chủ yếu vào nhóm cổ phiếu blue chip bị khối ngoại bán ròng nhiều như FPT, HPG, MWG. Một số cổ phiếu được tự doanh mua ròng đang có giá chứng lại như MSN, GVR, VIB.
- Ở phía bán ròng tự doanh bán ra khá lớn MBB với giá trị khoảng 428 tỷ đồng. Giá MBB đã tăng trên 70% kể từ đầu năm vì vậy có thể nhiều tổ chức bán chốt lời phần cổ phiếu đang có trong khi đang chờ lượng cổ tức đến hơn 30%. Một số cổ phiếu ngân hàng cũng được tự doanh bán ròng mạnh như ACB, TCB, TPB, STB.
- Nhóm cổ phiếu Vingroup cũng nằm trong nhóm tự doanh bán ròng nhiều nhất như VIC 96 tỷ, VHM 66 tỷ.

Tỷ trọng phân bố dòng tiền

Phân ngành	Tỷ trọng dòng tiền	Cổ phiếu có dòng tiền vào mạnh	Sức mạnh dòng tiền
Ngân hàng	28.5%	STB, MBB, SHB, VPB, TCB	
Bất động sản	14.0%	DIG, PDR, NLG, NVL	
Dịch vụ tài chính	17.0%	SSI, VCI, FTS, HCM, VIX, VND	
Công nghệ Thông tin	3.2%	FPT, CMG, ELC	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4.8%	GEX, VSC, HAH, VTP, GMD	
Thực phẩm và đồ uống	5.1%	DBC, MSN, HAG, BAF	
Xây dựng và Vật liệu	8.1%	CII, HHV, VCG	
Tài nguyên Cơ bản	6.4%	HPG, HSG, NKG	
Hóa chất	2.5%	DPM, DCM, GVR	
Bán lẻ	1.8%	MWG, DGW, PET	
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.2%	POW, GEG, REE	
Dầu khí	3.0%	PVD, PVS	
Ô tô và phụ tùng	1.0%	HHS, HUT	
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.5%	TCM, TNG, PNJ	
Du lịch và Giải trí	1.2%	HVN	
Viễn thông	0.2%	VGI	
Truyền thông	0.4%	YEG	
Bảo hiểm	0.4%	BVH	
Y tế	0.7%	DCL, DBD	

- Dòng tiền trong tuần qua đổ mạnh vào nhóm ngân hàng nhiều nhất và chiếm hơn 28% tổng giá trị giao dịch thị trường. Dòng tiền từ các nhóm ngành khác đặc biệt là bất động sản sụt giảm đáng kể trong khi nhóm chứng khoán vẫn thu hút dòng tiền khác tốt.
- Nhóm chứng khoán ghi nhận dòng tiền giao dịch tăng mạnh như VIX, VND, SSI.
- Top cổ phiếu có dòng tiền đột biến nổi bật trong tuần qua: BVH, MBB, VAB, HUT, LPB, FPT, BSR, MSN, VGC. Xu hướng dòng tiền một phần chuyển dịch vào nhóm bảo hiểm, đầu tư công và nhóm xây dựng. Tuy nhiên lượng tiền nhiều nhất vẫn giao dịch tập trung ở cổ phiếu ngân hàng.

Cổ phiếu có dòng tiền vào gia tăng



CHIẾN LƯỢC & CƠ HỘI ĐẦU TƯ NỔI BẬT



Thị trường vẫn trong xu hướng tăng trung hạn tuy nhiên áp lực điều chỉnh sẽ tăng dần khi kết quả kinh doanh các doanh nghiệp quý 2 công bố gần hết. Thị trường có thể có nhiều pha điều chỉnh và rung lắc nhiều hơn. Các nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán, hóa chất, bán lẻ đang được nhà đầu tư giao dịch nhiều nhất.

Danh mục cổ phiếu quan tâm:

- Ngân hàng: STB, TCB
- Bán lẻ, thực phẩm: MWG, HAG

STT	CP	Giá mục tiêu	Lợi suất kỳ vọng (%)	EPS	PE	Điểm nhấn đầu tư
1	STB	55,000	16.9%	5,767	8.16	- Tăng trưởng lợi nhuận đạt kỳ vọng nhờ tín dụng tăng trưởng tốt và cải thiện NIM; chất lượng tài sản ổn định dù còn thách thức. - Chuẩn bị hoàn tất đấu giá khoản nợ đảm bảo bằng cổ phần của Trầm Bê, có tiềm năng tăng đáng kể lợi nhuận và giá trị sổ sách. - STB lên kế hoạch mua cổ phần chi phối tại một công ty chứng khoán nhằm mở rộng dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư. - Nâng vốn điều lệ qua ESOP và cổ phiếu thưởng, báo hiệu giai đoạn tăng trưởng tích cực mới sau tái cấu trúc.
2	TCB	40,000	14.4%	3,013	11.60	- Phục hồi của thị trường bất động sản và kỳ vọng niêm yết TCBS sẽ hỗ trợ đà tăng giá cổ phiếu TCB. - Nhu cầu vay thế chấp cùng việc thu hồi lãi trả chậm từ danh mục cho vay linh hoạt giúp NIM dự kiến phục hồi hơn 20bps đến năm 2026. Thu nhập phí bất đầu cải thiện nhờ hợp đồng bancassurance mới ký với AIA và TCA. - TCBS có lợi nhuận ròng năm 2024 đạt 3,85 nghìn tỷ đồng, định giá khoảng 73 nghìn tỷ đồng (~30% vốn hóa TCB), dựa trên mức P/E tương đương nhóm công ty chứng khoán hàng đầu.
3	MWG	75,000	13.1%	2,977	22.27	- MWG đạt doanh thu tăng trưởng cao hơn thị trường chung nhờ mảng điện tử, đặc biệt là điện thoại, laptop và thiết bị gia dụng. - BHX mở mới 410 cửa hàng trong 5 tháng, vượt mục tiêu đề ra, doanh thu tăng 19% YoY. - MWG đóng cửa một số cửa hàng TGDD và DMX, ưu tiên tối ưu hóa mạng lưới cửa hàng và cải thiện hiệu quả hoạt động. - MWG đạt 41% kế hoạch doanh thu năm 2025 và mở rộng thị trường quốc tế tích cực thông qua EraBlue tại Jakarta.
4	HAG	18,000	25%	1,084	12.32	- HAG đã tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả, lợi nhuận ổn định đạt 1.000 tỷ đồng năm 2024, quý 1/2025 đạt doanh thu 1.380 tỷ và lợi nhuận 341 tỷ, mục tiêu năm 2025 đạt doanh thu 5.500 tỷ và lợi nhuận sau thuế trên 1.100 tỷ đồng. - Triển khai 2.000ha dâu nuôi tằm sản xuất tơ xuất khẩu, 2.000ha cà phê Arabica và thí điểm nuôi 700.000 con cá tầm tại Lào, dự kiến thu hoạch vào tháng 9-10/2025. - Khoản vay ngắn hạn hơn 6.000 tỷ đồng, nợ dài hạn 1.435 tỷ đồng, tỷ lệ nợ vay/VCSH giảm từ 180% (2020) xuống còn 77%, lỗ lũy kế giảm mạnh còn khoảng 82,7 tỷ, kỳ vọng xóa hết lỗ lũy kế trong năm 2025.

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	55,000
% tăng giá	16.9%
Vùng giá mua	45,000 – 47,000
Giá dừng lỗ	40,000

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Trong quý 1.2025, ngân hàng STB đạt lợi nhuận gần 2,900 tỷ đồng tăng trưởng 37% so với cùng kỳ. Về mục tiêu kinh doanh năm 2025, Sacombank đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 14.650 tỷ đồng – tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng hai con số trong chặng cuối của giai đoạn tái cơ cấu. STB có thể tiếp tục đà tăng trưởng mạnh trong các quý còn lại của năm và dự báo quý 2 có thể tăng trưởng lợi nhuận khoảng 25% so với quý 1 lên trên 3,500 tỷ. Lợi nhuận tăng trưởng của của STB đến từ khả năng hoàn nhập dự phòng và kiểm soát chi phí vận hành hiệu quả. STB đang sắp hoàn tất quá trình tái cấu trúc nợ và chuyển sang giai đoạn tăng tốc phát triển.
- STB đã hoàn thành 13/14 bước tái cấu trúc; bước cuối cùng là đấu giá khoản nợ được đảm bảo bằng 32,5% cổ phần của Trầm Bê. Tổng giá trị nợ gốc là 6.611 tỷ đồng và lãi cộng dồn 13.450 tỷ đồng, cần giá đấu khoảng 33.200 đồng/cp để thu hồi đủ. STB cho biết, ngay cả khi đấu giá thành công, Trầm Bê cũng sẽ không nhận được khoản dư nào do nghĩa vụ lãi rất lớn từ các khoản vay khác. STB có thể thu hồi giá trị tiềm năng khoảng 15 nghìn tỷ đồng (tương đương lợi nhuận sau thuế khoảng 20 nghìn tỷ đồng). Điều này đồng nghĩa lợi nhuận ròng 2025 có thể tăng 128%, hoặc giá trị sổ sách (BVPS) tăng 23% lên 43.700 đồng/cp.
- STB dự kiến mua lại trên 50% cổ phần tại một công ty chứng khoán, với vốn đầu tư tối đa 1.500 tỷ đồng, không bao gồm công ty con đã thoái vốn trước đây (SBS). Đây là bước chuyển đổi chiến lược từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng đa năng, cung cấp thêm dịch vụ môi giới và ngân hàng đầu tư.

Phân tích kỹ thuật

STB đang có sự bứt phá quanh nền giá 47 kéo dài gần 1 tháng qua lên mức đỉnh mới trên 50. STB đang thiết lập xu hướng tăng giá mới với mục tiêu tiếp theo quanh vùng 55-57. Các chỉ báo RSI hiện quay lại xu hướng tăng và vượt qua 70. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ STB và có thể mua thêm nếu cổ phiếu rung lắc về quanh 47-48. Mục tiêu trung hạn từ 1 – 3 tháng là 55,000.



STB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	28,956	34,261	38,627	45,734	54,972	57,862
Vốn điều lệ	18,852	18,852	18,852	18,852	18,852	20,602
Thu nhập lãi thuần	11,527	11,964	17,147	22,072	24,532	6,863
Lợi nhuận sau thuế	2,682	3,411	5,041	7,719	10,087	2,897
EPS	1,206	1,595	2,674	4,094	4,751	1,537
Tỉ lệ CASA	18.7%	22.5%	18.9%	18.3%	17.9%	17.2%
P/B	2.2	1.4	1.5	1.5	1.6	1.5
BVPS (VND)	15,360	18,174	20,489	24,259	29,160	30,693
ROE (%)	9.6%	10.8%	13.8%	18.3%	20.0%	20.4%
NIM (%)	2.7%	2.6%	3.3%	3.7%	3.6%	3.5%
LDR (%)	78.2%	89.1%	95.2%	93.0%	93.6%	94.6%
Chi phí/ Thu nhập (%)	63.1%	55.1%	41.8%	49.2%	48.8%	50.4%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	1.7%	1.5%	1.0%	2.3%	2.4%	2.5%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	93.7%	118.6%	131.0%	68.8%	68.4%	74.7%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	40,000
% tăng giá	14.4%
Vùng giá mua	33,000 – 35,000
Giá dừng lỗ	29,000

Phân tích kỹ thuật

TCB đã tích lũy quanh vùng giá 34 trong 3 tuần và vừa có phiên đột phá về giá thiết lập đỉnh mới quanh 36. TCB vẫn đang trên kênh giá tăng trung hạn và chưa xuất hiện tín hiệu đảo chiều dù các chỉ báo cho thấy TCB đang ở trong vùng quá mua. Giá TCB có thể dao động quanh vùng 35-36 một thời gian. Vùng mua mới có thể mở quanh 34,000-35,000. Mục tiêu từ 1-3 tháng là vùng giá 40,000.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất thị trường Việt Nam. Techcombank liên tục được vinh danh trong Top 10 Ngân hàng Thương mại Việt Nam uy tín, Top 100 Ngân hàng Thế giới, và nhiều giải thưởng quốc tế.
- Vốn điều lệ của Techcombank đạt 78,413 tỷ đồng thuộc nhóm top đầu. Hiệu quả kinh doanh của TCB rất ấn tượng với lợi nhuận hàng năm trên 20 ngàn tỷ đồng. Tỷ lệ CASA của Techcombank duy trì tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất trong ngành 36%, giúp giảm chi phí vốn và tăng hiệu quả kinh doanh. Ở chất lượng tài sản, TCB duy trì tỷ lệ nợ xấu thấp (1.1% năm 2024) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao (113,94%) cho thấy khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng vượt trội.
- Theo kế hoạch 2025, Techcombank đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 31,500 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước. Để đạt được kết quả này, Techcombank dự kiến tăng trưởng tín dụng ở mức 16.4%. Bên cạnh đó, Techcombank cũng trình cổ đông phương án phát hành hơn 21.38 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ sẽ tăng lên hơn 70.862 tỷ đồng.
- Câu chuyện của TCB hấp dẫn năm nay nằm ở kế hoạch IPO TCBS. Hiện tại, TCBS có vốn điều lệ 20,802 tỷ đồng. Công ty dự kiến chào bán 231,2 triệu cổ phiếu. Nếu chào bán thành công, vốn điều lệ của TCBS sẽ tăng lên 23.113 tỷ đồng. TCBS hiện do Techcombank sở hữu 94,07% cổ phần. Việc IPO thành công TCBS sẽ mang lại lợi thế lớn cho TCB.



TCB	2020	2021	2022	2023	2024	Q1.2025
Vốn chủ sở hữu	74,615	93,041	113,425	131,616	147,940	153,953
Vốn điều lệ	35,049	35,109	35,172	35,225	70,649	78,413
Thu nhập lãi thuần	18,751	26,699	30,290	27,691	35,508	8,305
Lợi nhuận sau thuế	12,582	18,415	20,436	18,191	21,760	6,014
EPS	3,510	5,131	5,729	5,111	3,041	842
Tỉ lệ CASA	44.3%	47.0%	34.3%	38.0%	35.9%	33.7%
P/B	2.3	1.1	1.1	0.7	1.5	1.4
BVPS (VND)	21,151	26,259	31,927	36,990	20,583	21,425
ROE (%)	18.1%	21.7%	19.7%	14.8%	15.6%	14.7%
NIM (%)	4.9%	5.7%	5.3%	4.0%	4.2%	4.0%
LDR (%)	99.2%	109.2%	116.0%	112.7%	116.9%	123.2%
Chi phí/ Thu nhập (%)	32.8%	30.1%	32.1%	33.1%	32.7%	28.3%
Tỉ lệ nợ xấu (%)	0.5%	0.7%	0.7%	1.2%	1.1%	1.2%
Dự phòng RR tín dụng/ Nợ xấu	171.0%	162.9%	157.3%	102.1%	113.9%	111.6%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	75,000
% tăng giá	13.1%
Vùng giá mua	64,000 – 66,000
Giá dừng lỗ	59,000

Phân tích kỹ thuật

MWG duy trì đà tăng vững chắc từ vùng giá 64 lên vùng giá mới quanh 70. Các chỉ báo kỹ thuật cho xu hướng tăng trung hạn với mục tiêu gần nhất quanh 75. Giá 75 cũng là đỉnh giá cao nhất vào giữa năm 2022. Với yếu tố cơ bản hỗ trợ và đường giá đang trong kênh tăng trung hạn, MWG có thể trở lại đỉnh kháng cự cũ và thiết lập đỉnh mới quanh 80 trong từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động (HoSE: MWG) vừa công bố ghi nhận doanh thu 5 tháng đầu năm 2025 đạt 61.229 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2024 và hoàn thành 41% kế hoạch doanh thu cả năm. Đây là kết quả kinh doanh khả qua trong bối cảnh ngành bán lẻ đang cạnh tranh gay gắt và xu hướng tiêu dùng đang chững lại.

- Chuỗi Thế Giới Di Động (TGDĐ) và Điện Máy Xanh (ĐMX): đạt doanh thu 41.000 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Riêng tháng 5/2025, doanh thu đạt 8.400 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ sau Tết Nguyên Đán. Các ngành hàng chủ lực như điện thoại, máy tính bảng và laptop ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng từ 20% - 50% so với cùng kỳ, nhờ nhu cầu công nghệ cao và chiến lược kinh doanh hiệu quả. MWG chủ động tổ chức các buổi sale liên tục kích cầu tiêu dùng và điều này tạo hiệu ứng thu hút khách hàng và tăng trưởng doanh thu.
- Chuỗi Bách Hóa Xanh (BHX): đạt doanh thu 18.900 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong các chuỗi kinh doanh của MWG. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi hai nhóm ngành hàng chính: thực phẩm tươi sống và hàng tiêu dùng nhanh (FMCG). Chuỗi đã mở mới 410 cửa hàng, vượt kế hoạch đề ra (200 - 400 cửa hàng), với hơn 50% cửa hàng mới tập trung tại khu vực miền Trung. Các cửa hàng mới đạt lợi nhuận dương ở cấp độ cửa hàng sau khi trừ chi phí vận hành trực tiếp. Chuỗi BHX sẽ là chuỗi chủ lực của MWG trong thời gian tới và đóng góp doanh thu quan trọng.
- MWG hiện đang sở hữu 1.015 cửa hàng TGDĐ (bao gồm Topzone), 2.025 cửa hàng ĐMX, 2.180 cửa hàng BHX, 326 nhà thuốc An Khang, 62 cửa hàng AVA Kids và 107 cửa hàng Era Blue.



MWG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.6T
Doanh thu (tỷ VND)	108,546	122,958	133,405	118,280	134,341	73,755
Lợi nhuận (tỷ VND)	3,918	4,899	4,100	168	3,722	3,194
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	23,954	27,632	30,862	22,521	27,499	14,769
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(594)	(674)	(1,362)	(1,448)	(1,137)	(698)
KLCP DLH (triệu CP)	453	713	1,464	1,463	1,462	1,480
VCSH (tỷ VND)	15,482	20,378	23,933	23,360	28,122	30,016
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	46,031	62,971	55,834	60,111	70,438	81,001
Book Value	34,160	28,578	16,349	15,963	19,232	20,285
EPS	8,644	6,870	2,801	115	2,545	3,272
ROE	25.3%	24.0%	17.1%	0.7%	13.2%	20.0%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	15,625	24,647	10,688	19,129	27,300	31,538
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	1,127	-	5,901	5,985	-	-
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	16,752	24,647	16,589	25,114	27,300	31,538
Nợ Vay/VCSH	108.2%	120.9%	69.3%	107.5%	97.1%	105.1%

Thông tin cổ phiếu

Giá mục tiêu	18,000
% tăng giá	12.4%
Vùng giá mua	13,000 – 13,300
Giá dừng lỗ	13,000

Phân tích kỹ thuật

HAG vừa vượt qua khỏi vùng giá tích lũy 13-14 và tạo vùng đỉnh mới gần 15. Đây là mục tiêu ngắn hạn mà chúng tôi thiết lập trước đó. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn trong trạng thái tích cực với RSI trên 50. MACD đã hoàn thành giai đoạn tích lũy và hình thành đợt tăng mới. Động lực của HAG hiện vẫn mạnh và chưa thấy tín hiệu đảo chiều. Chúng tôi nâng mục tiêu của HAG lên vùng giá 16 và có thể hướng đến 17 từ 1 đến 3 tháng tới.

Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

- HAG đã có thời gian tái cấu trúc và xử lý nợ hiệu quả trong thời gian qua. Hoạt động kinh doanh đang dần có dấu hiệu khởi sắc với lợi nhuận năm 2024 tiếp tục duy trì lên 1000 tỷ đồng. Quý 1.2025 HAG đạt doanh thu 1,380 tỷ đồng và lợi nhuận 341 tỷ. Năm 2025, HAG đặt mục tiêu doanh thu 5,500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hơn 1,100 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm trước. HAGL cũng đang đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực mới, bao gồm trồng 2.000ha dâu nuôi tằm để sản xuất tơ xuất khẩu và 2.000ha cà phê Arabica. Song song đó, dự án nuôi cá tằm đang được thí điểm tại Lào với 700.000 con giống, dự kiến cho thu hoạch lứa đầu vào tháng 9 – 10 năm nay.
- Vừa qua các cổ đông lớn của HAG đã có những động thái mới đáng chú ý. Chủ tịch HĐQT Đoàn Nguyên Đức (bầu Đức) đã hoàn tất mua vào 10 triệu cổ phiếu HAG trong phiên 19/6 vừa qua theo hình thức thỏa thuận. Sau thương vụ, bầu Đức sở hữu 330 triệu cổ phiếu HAG, nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30,26% lên 31,2% cổ phần. 2 Thành viên HĐQT cũng đăng ký mua vào 1 triệu cổ phiếu từ ngày 23/6 – 22/7.
- Theo báo cáo quý 1, hiện tại HAG còn khoản vay ngắn hạn hơn 6,000 tỷ và nợ dài hạn 1,435 tỷ. Tỷ lệ nợ vay trên VCSH còn 77%, giảm mạnh so với mức 180% hồi 2020. Tính đến cuối quý I/2025, lỗ lũy kế thu hẹp đáng kể, còn khoảng 82,7 tỷ đồng. Có thể kỳ vọng kết thúc Q2/2025, HAG sẽ xóa được lỗ lũy kế và ra khỏi diện cảnh báo.



HAG	2020	2021	2022	2023	2024	2025.6T
Doanh thu (tỷ VND)	3,177	2,097	5,111	6,932	5,783	3,709
Lợi nhuận (tỷ VND)	(1,256)	203	1,129	1,709	1,013	824
Lợi Nhuận Gộp (tỷ VND)	206	507	1,173	1,364	2,172	1,452
Chi phí lãi vay (tỷ VND)	(1,254)	(972)	(793)	271	(716)	(357)
KLCP DLH (triệu CP)	927	927	927	927	1,057	1,057
VCSH (tỷ VND)	10,028	4,673	5,195	6,726	9,326	10,366
Tổng Tài Sản (tỷ VND)	37,266	18,440	19,798	21,528	22,281	26,002
Book Value	10,812	5,039	5,601	7,252	8,819	9,803
EPS	(1,354)	219	1,217	1,843	958	1,283
ROE	-12.5%	4.3%	21.7%	25.4%	10.9%	15.7%
Vay Ngắn Hạn (tỷ VND)	8,772	2,510	4,000	4,829	5,748	7,912
Vay Dài Hạn (tỷ VND)	9,331	5,777	4,165	3,082	1,217	1,408
Tổng Nợ vay (tỷ VND)	18,103	8,286	8,166	7,910	6,965	9,320
Nợ Vay/VCSH	180.5%	177.3%	157.2%	117.6%	74.7%	89.9%

LỊCH SỰ KIỆN



Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6
 Công bố chỉ số tâm lý thị trường nhà đất (NAHB) tháng 8. Chỉ số này phản ánh niềm tin của các nhà xây dựng, dự báo sức khỏe của thị trường bất động sản. Nếu chỉ số thấp hơn dự kiến có thể ảnh hưởng tiêu cực đến cổ phiếu ngành xây dựng và vật liệu.	 Cục Thống kê công bố doanh số bán nhà khởi công tháng 7. Con số này cho thấy hoạt động của ngành xây dựng và nhu cầu nhà ở. Dữ liệu mạnh hơn dự kiến có thể thúc đẩy tâm lý thị trường và củng cố niềm tin vào nền kinh tế.	 Cục Dự trữ Liên bang (Fed) công bố biên bản cuộc họp chính sách tháng 7. Biên bản sẽ tiết lộ quan điểm của các quan chức về lạm phát và lãi suất. Thông tin này rất quan trọng vì nó định hướng kỳ vọng của thị trường về chính sách tiền tệ tương lai. Thị trường chứng khoán và trái phiếu có thể biến động mạnh..	 Bộ Lao động công bố số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu hàng tuần. Đây là một chỉ báo sớm về sức khỏe thị trường lao động. Số liệu tốt hơn dự kiến (số đơn ít hơn) có thể thúc đẩy chứng khoán, nhưng cũng có thể làm tăng khả năng Fed duy trì lãi suất cao.	 Công bố chỉ số PMI (Chỉ số nhà quản lý mua hàng) sơ bộ tháng 8. Chỉ số PMI phản ánh sức khỏe của cả lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Dữ liệu cao hơn 50 cho thấy sự mở rộng, củng cố niềm tin kinh tế. Ngược lại, dữ liệu dưới 50 báo hiệu sự thu hẹp.
 Các quan chức Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) có bài phát biểu. Lời nói của họ về chính sách tiền tệ, lạm phát và tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của đồng Euro và thị trường chứng khoán khu vực.	 Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) có thể điều chỉnh lãi suất cho vay. Bất kỳ thay đổi nào đều có thể ảnh hưởng đến dòng vốn toàn cầu, giá cả hàng hóa, và thị trường chứng khoán Trung Quốc. Việc giảm lãi suất sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.	 Chính phủ tổ chức cuộc họp thường kỳ về tình hình kinh tế - xã hội. Kết quả cuộc họp, đặc biệt là các chính sách hỗ trợ kinh tế mới, có thể tác động tích cực hoặc tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư và chỉ số chứng khoán.	 Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BoJ) công bố báo cáo kinh tế hàng tháng. Báo cáo này đưa ra đánh giá của BoJ về nền kinh tế, có thể ảnh hưởng đến tỷ giá đồng Yen và thị trường chứng khoán Nhật Bản.	 Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) công bố báo cáo lạm phát hàng quý. Báo cáo này sẽ cung cấp thông tin chi tiết về áp lực giá cả. Dữ liệu lạm phát cao có thể làm tăng khả năng BoK sẽ thắt chặt chính sách tiền tệ.

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	NAV	HOSE	22/08/2025	25/08/2025	8/9/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NTC	UPCoM	22/08/2025	25/08/2025	25/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 6,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	VSN	UPCoM	22/08/2025	25/08/2025	10/10/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	OIL	UPCoM	21/08/2025	22/08/2025	11/9/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	BTT	HOSE	21/08/2025	22/08/2025	10/9/2025	Trả cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	BTT	HOSE	21/08/2025	22/08/2025	2/10/2025	Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	VSH	HOSE	20/08/2025	21/08/2025	30/09/2025	Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DPR	HOSE	20/08/2025	21/08/2025	29/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	TCH	HOSE	20/08/2025	21/08/2025		Thực hiện quyền mua CP phát hành thêm, tỷ lệ 10:3, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
10	GEE	HOSE	20/08/2025	21/08/2025	10/9/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	S99	HNX	19/08/2025	20/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	BTW	HNX	19/08/2025	20/08/2025	19/09/2025	Trả cổ tức bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	DBM	UPCoM	19/08/2025	20/08/2025	4/9/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	MBS	HNX	19/08/2025	20/08/2025	19/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	RCL	HNX	19/08/2025	20/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
16	PSL	UPCoM	19/08/2025	20/08/2025	10/9/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	FHS	UPCoM	19/08/2025	20/08/2025	28/08/2025	Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	MST	HNX	19/08/2025	20/08/2025		Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
19	SB1	UPCoM	18/08/2025	19/08/2025	18/09/2025	Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	SHB	HOSE	18/08/2025	19/08/2025		Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:13	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



THANK YOU